Năm thứ mười-tám. — Số 200 · 1 · 16 Juillet 1934

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NHỮNG NGUYỆN-VỌNG CỦA DÂN AN-NAM (1)

HÁN-THU

Phàm những vấn-đề chính-trị ở Đông-Pháp trong mấy năm gần đây đã khiến cho người Pháp cũng như người Nam ta phải để ý tới, đều là những vấn-đề do ở nước Việt-Nam, dân Việt-Nam, mà mới có. Nước ta là nước về phương-diện nào cũng quan-trọng hơn các nước khác ở giải đất Đông-Pháp. Nước ta lại là nước thống-nhất, hợp-nhất; dẫu bề ngoài thì phải phân-biệt hẳn xứ Nam-kỳ thuộc-địa của nước Pháp, theo chính-sách trực-trị, và xứ Trung-kỳ là xứ Bảo-hộ, lại đến xứ Bắc-kỳ, cũng là xứ Bảo-hộ, nhưng chịu ảnh-hưởng của nước Pháp một cách mật-thiết, cái ảnh-hưởng đó đã hiện ra rất rõ-ràng trong cách cai-trị lại thấm-nhuần xâu-xa vào trong dân-tâm; song dù có ba kỳ và ba chính-sách cai-trị mặc dầu, ta phải không quên rằng: chỉ có một nước Nam mà thôi.

Có người Pháp nói rằng: Chủ-nghĩa quốc-gia của người Nam-Việt là một chủ-nghĩa mới đặt bày ra, quốc-gia đó chỉ có ở đầu lưỡi một vài người trong mấy đảng phái học chính-trị đã được cái tư-tưởng quốc-gia trong những sách của người Pháp, rồi muốn đem dùng cái chữ « quốc-gia Nam-Việt » mà che những sự hành-động khả-nghi. Lời bình-phẩm đó, hoặc cố-ý hoặc vô-tình, cũng là lầm mà lầm tự cái gốc sau này mà ra: lòng ngờ-vực những người thanh-niên Nam-Việt theo Tây-học. Ngờ thanh-niên tây-học, chỉ vì bọn này có trí suy-xét phẩm-bình, không như nhiều nhà Nho cổ, đối với mọi việc thường nhắm mắt tin vào số-mệnh, và chịu nhẫn-nhục, để ai dắt đi đâu cũng vâng lời mà đi.

Ý-tưởng đó kỳ-thực rất sai, có nhiều chứng-cớ hiển-nhiên rằng nước Việt-Nam có đủ tính-cách một quốc-gia, dân Việt-Nam có đủ tính-cách một dân-tộc. Xem như tiếng nói của người An-Nam, chỉ có một thứ tiếng; dù trong ba kỳ giọng nói có khác, nhưng đó là theo lẽ tự-nhiên ở nước nào cũng vậy, tiếng nói thay đổi tùy theo những thói-quen, những sự cần riêng ở một xứ; song một người An-Nam ở Bắc-kỳ, một người An-Nam ở Trung-kỳ và một người An-Nam ở Nam-kỳ, nói chuyện với nhau, cần gì phải có thông-ngôn mới hiểu được nhau đâu?

(1) Nguyên-văn bằng chữ Pháp, đã đăng ở tạp-chí *Vu*, Paris và ở phần chữ Pháp của *Nam-Phong* ngày 1er Mai 1934.

Cái quan-niệm của người An-Nam về tôn-giáo cũng chỉ có một, từ Bắc chí Nam; quan-niệm ấy lấy sự thờ-phụng tổ-tiên làm trung-tâm-điểm, rồi gồm cả lòng tín-ngưỡng vào những đạo Phật, đạo Lão; song không bao giờ trong lịch-sử An-Nam có những sự chia rẽ vì tôn-giáo, người An-Nam bao giờ cũng trọng sự tín-ngưỡng của người khác và không bao giờ mê-man vì một tôn-giáo mà bạo-động.

Lịch-sử nước Việt-Nam lại là một chứng-cớ hiển-nhiên rằng: nguyện-vọng của dân An-Nam bao giờ cũng vẫn theo đuổi có một mục-đích: đã thành một quốc-gia, một dân-tộc, thì đừng bao giờ để cho quốc-gia đó mất, dân-tộc đó tan. Không cần phải dẫn những cái ví dụ, ai nấy đều đã biết lòng ái-quốc của người An-Nam đã nhiều phen tỏ mặt, chống lại với cái chính-sách đế-quốc của nước Tàu khi xưa.

Vả lại thử hỏi bất cứ một người nhà quê nào, dù ngu dốt đến đâu, người ấy cũng không tự xưng rằng: « Tôi là người Bắc-kỳ, hay Trung-kỳ, hay Nam-kỳ », người ấy bao giờ cũng nói: « Tôi là người An-Nam ».

Nhưng trong bài này ta sẽ riêng nói về hai xứ Trung và Bắc-kỳ. Còn như Nam-kỳ, tuy hiện nay đang phải đối-phó cùng nhiều hiện-tượng đáng lo về phương-diện kinh-tế, song về chính-trị thì cuộc sinh-hoạt vẫn bình-thường, theo khuôn mẫu, theo nền-nếp những pháp-luật và chế-độ của nước Pháp đã đem sang và sửa đổi cho thích-hợp với tình hình thuộc-địa. Sau cuộc kinh-lịch của quan Thượng PAUL REYNAUD qua Đông-Pháp năm trước, Nam-kỳ lại được thêm một vị đại-biểu người An-Nam ở Thượng-Hội-nghị các đại-biểu Thuộc-địa (*Conseil Supérieur des Colonies*).

Riêng đối với hai « kỳ » khác của nước Nam-Việt, đối với Bắc-kỳ và Trung-kỳ, những thời-khắc bây giờ mới thật là quan-hệ; cái lề-lối và hình thảy những công-cuộc về mai sau quyết định tự lúc này mà đi. Bắc-kỳ và Trung-kỳ, cũng bị cái nạn kinh-tế nhưng không nguy bằng Nam-kỳ; vấn đề quan-trọng ở hai xứ này, vì thế, là một vấn-đề chính-trị. Hiện nay, Trung-kỳ và Bắc-kỳ đang qua một hồi thay đổi chính-sách mà những sự đổi thay đó là kết-quả cuộc Hồi-loan của Hoàng đế, sau mười năm du-học, đã trở về làm-chính.

« Cuộc thí-nghiệm vì Bảo-Đại Hoàng-đế »

Một nhà làm báo Pháp, ông ALFRED SILBERT đã sang ở Đông-Pháp trong hai năm và đã được trông thấy cái buổi đầu của đức Thanh-niên Hoàng đế trong việc chính-trị, đã gọi cuộc du-học, cuộc hồi-loan những sự cải cách của Ngài là « một cuộc thí nghiệm » (Đọc bài: *Retour d'Empereur et Réformes en Annam*, của tác-giả đã xuất bản trong *Chính-trị học Tạp-chí*, *Revue de Sciences Politiques*, *Paris*, *Avril — Juin 1933*). Sở-dĩ gọi là một cuộc thí-nghiệm vì cái kết-quả của thời-kỳ này, cũng như cái kết-quả của mọi cuộc thí-nghiệm, tuy người thí-nghiệm đoán trước được, song không phải là không có thể có những sự bất-ngờ. Cuộc thí-nghiệm này, rất quan-trọng; có thể chính-sách cai-trị của nước Pháp trước vẫn thực-hành ở nước Nam dần dần có thể đổi hẳn từ nay.

Từ trước tới nay, chính-sách cai-trị của Bảo-hộ vẫn là một chính-sách can-thiệp càng ngày càng mật-thiết hơn trong các việc nước việc dân An-Nam; đối với sự can-thiệp đó, chính dân An-Nam cũng lấy làm vừa ý và yên mến Chính-phủ, vì đã được thấy rõ rằng quan cai-trị Pháp trị dân, có kết-quả hay.

Sở-dĩ phải can-thiệp một cách mật-thiết như vậy, chính là hợp với điều-ước ký ở Huế ngày 6 Novembre 1925, giao quyền cai-trị cho Chính-phủ Bảo-hộ trong khi đức Hoàng-đế vắng mặt vì ngài phải đi du-học.

Nay Kim-thượng đã hồi-loan, thì điều-ước trên kia tự phải hủy bỏ, Chính-phủ Pháp gần như là tất-nhiên phải bỏ buộc khuynh-hướng về một chính-sách nào để quyền cho Kim-thượng và Nam-triều, trước hết tại Trung-kỳ, sau nữa sẽ đến Bắc-kỳ.

Chính-sách mới đó, có phải là « thoái bộ » hay là « giảm quyền bảo-hộ » chăng? Hoặc có e rằng bị người ta sẽ coi là « thoái-bộ » coi là « giảm bớt quyền bảo-hộ » chăng? Đó là câu hỏi ta phải giải-quyết.

■

Nguyện-vọng của người nhà quê An-Nam

Những nhà làm việc chính-trị ở Đông-Pháp, dù người Nam, dù người Pháp, thường ít khi biết để ý đến những người dân quê nghèo-khổ sống nấp ở sau những lũy tre xanh.

Coi thường bọn dân quê như vậy, có lẽ cũng không phải là không chính-đáng chăng?

Này ta cứ ngẫm xem những nét mặt lì-lì khó hiểu, những bộ quần áo những lối cử-chỉ cùng-cỏi và thô-bạo, bao nhiêu năm vẫn chẳng đổi thay, thì ta không khỏi có một chút lòng tức-bực, dù chẳng nói ra. Ta tự hỏi ta rằng: có lẽ nào ở trên mặt quả địa-cầu này, hãy còn có một thứ người chậm trễ như vậy đu? Bó thân vào những tư-tưởng sai lầm, những lễ-nghi cũ-kỹ, mà vẫn « khư khư mình buộc lấy mình vào trong »; chẳng khác nào mặc cái áo the thâm thì cứ nhất định mặc thật giài, dù ở nơi thành-thị người ta đã quen mặc ngắn đi, để cử động dễ dàng hơn, để vẻ người thêm hoạt-bát; lại cái búi tóc, lại cái thắt lưng lụa cũng đều lấy đấy làm quốc-túy quốc-hồn. Sống thì sống một cách rất thảm hại, nhưng đi kiện và lễ tiền cho các quan tham thì vẫn có tiền. Trong một làng cổ việc làng, đếm trong ba trăm người, họa có mười người không mặc áo rách; nhà ở thì ẩm thấp, bẩn thỉu, động thì rét hạ thì nóng như thiêu, nhưng chẳng biết lo đến sự ấm no của mình, chỉ khỏe lè-nhè đem cái hơi men ra mà bàn tán những chuyện ăn trên ngồi chốc, chỉ chịu khó vay lãi nặng phân để nhét đầy túi tham những kẻ tham. Ấy cứ ngẫm cái quang cảnh ấy thì ai mà chẳng phải nghĩ rằng: « Thôi, mặc họ, ai bảo được họ? » Một bọn, bình dân trình-độ còn quá thấp như vậy, phỏng còn có nguyện-vọng gì được?

Nếu ai nghĩ thế, thì thật là lầm to.

Phải, người dân quê An-Nam chỉ biết sống trong lũy tre xanh, mà ngoài lũy tre xanh ra thì không còn có hiểu một chuyện gì; người dân quê An-Nam cũng như dân quê các nước biết yêu mến ruộng đất của mình, nhưng tiếc thay, cái quan-niệm về gia-đình

và tư-lợi lại rất sai lầm cho nên có thể làm những việc dê hèn, nào vu-cáo nào nặc danh đầu thư, hoặc những việc ngu dại, như đem đồ vật đem tiền nong lễ quan, dù quan chẳng đòi lễ cũng cứ lễ cho thỏa cái máu hay đi kiện; phải, dân An-Nam ở thôn-quê trình-độ kém, song đó là tại những người hướng đạo của dân, tức là bọn kỳ-mục, hiện nay chưa tiến-bộ được tới một bực để hiểu rõ bổn-phận mới trong xã-hội mới, nhưng đã mất hết những kỷ-cương cũ nó đã làm căn-bản bền chặt cho các làng cũ.

Dân An-Nam dù đi chậm, dân An-Nam dù chưa khai-hóa, song đã là dân, đã là người, thì vẫn có nguyện vọng, hoặc rõ ràng, hoặc chưa được phát biểu rõ ràng hẳn mà thôi.

Đối với Chính-phủ Bảo-hộ, dân quê Nam-Việt vẫn có lòng kính mến, vì đã thấy, vì đã hiểu rằng : quan Công-sứ Pháp, đối với họ bao giờ cũng vẫn là người che chở cho họ khỏi bị những lạm : ta thường được nghe nhiều người, có khi chính là người trong quan trường, công nhận rằng trong một đôi tỉnh ở Bắc-kỳ, hễ có quan Sứ nào mà các quan An-Nam phần nhiều phải kêu là « khó chịu », thì là dân được nhờ quan Sứ ấy.

Đối với Pháp-học, dân-quê Nam-việt bây giờ không còn ngờ-vực như xưa. Dân ta vốn bản-tính vụ-thực, không ưa lý-thuyết, cho nên đối với sự đào-thải của đạo Khổng, cũng không ta-thán. Trái hẳn lại, họ thấy có ít trường Pháp-Việt ở chốn hương-thôn, lại lấy làm bất-mãn. Ở nước ta, vốn từ xưa, việc học rất phổ-thông, những thầy đồ mở trường rất tự-do, cho nên bây giờ thấy sự mở trường khó khăn hơn thì dân quê không hiểu tại sao Chính-phủ lại hạn-chế. Nếu bảo tại những nhẽ vệ-sinh, như nhà trường phải ở chỗ cao-ráo và đủ rộng-rãi v. v.. thì họ không lấy thế làm phải.

Đi học chữ Tây, tốn kém hơn ngày xưa đi học chữ nho. Tuy vậy, dân quê vẫn cố gắng cho con cháu theo học được một vài chữ Tây.

Nhưng nếu Nhà-nước định lệ mới để cho những người nào có bằng-cấp sẽ được một đôi chút quyền-lợi, dù chỉ là quyền-lợi về tinh-thần như là danh-vị ngôi-thứ trong làng, hay là làm hương-chức, thì hẳn là dân-quê bằng lòng hơn.

■

Nguyện-vọng của các kỳ-lý An-Nam

Dân thì như thế ; quyền của họ bị không biết, mà nghĩa-vụ của họ bị cũng không hay.

Còn kỳ-lý là người ở trên dân một bực, thì sao ?

Ông kỳ-lý, hoặc vì có chút kiến thức, hoặc vì có tài giao-thiệp hay có tiền để mua chuộc danh-vị hay mua chuộc lòng người và phiếu bầu, mà làm nên « kỳ-lý » ; nhưng dẫu làm kỳ lý, cái bản-tính vẫn là bản-tính người dân quê, nghĩa là người dân có bao nhiêu nết xấu thì ông kỳ-mục, ông hương, ông lý vẫn có bấy nhiêu nết xấu, mà người dân còn giữ được bao nhiêu nết tốt thì vị tất ông kỳ-mục, ông hương, ông lý có còn giữ được bấy nhiêu nết tốt.

Cuộc sinh-hoạt của một làng An-Nam thường chỉ hết sự hà-lạm này đến sự hà-lạm khác. Những cúng cấp tế, những thịt cùng sôi. Hễ nhà nào có một công việc gì cần đến hương

chức phải can-thiệp vào, ấy là lại phải có bữa chè bữa chén cho kỳ-mục; kỳ-mục lại còn hay tranh lấy phần hơn trong khắp các việc làng.

Người ta đã bảo rằng: « Bọn kỳ mục và hương-chức là phải thủ-cựu, nếu thủ-cựu nghĩa là gìn giữ lấy những sự hỗn độn bối rối mà có lợi riêng cho họ »; nói vậy không phải là không đúng.

Dẫu thế người kỳ-mục và hương-chức vẫn là người môi-giới cần phải có ở giữa quyền cai-trị đủ của quan Tây hay của quan An-Nam và dân chúng. Vậy phải làm sao cho cái óc người kỳ-mục đổi mới đôi chút; hoặc phải làm sao cho trong bọn kỳ-lý ngày càng tăng thêm số người kỳ-lý thanh-niên có chút học-thức mới.

Vấn đề đó tuy khó giải nhưng cũng có thể giải được.

Cứ hiện tình bây giờ, thì những bạn thanh-niên có chút học-thức mới, ở chốn thôn-quê chẳng ưa gì cái chức hương-lý, bởi vì họ biết rằng «có một cái hố sâu » ngăn đôi hai phái thanh-niên và kỳ-lý cũ, thanh-niên nếu ra làm kỳ-lý thì càng muốn tổ-chức lại việc làng cho có trật-tự, càng thêm dễ cho bọn kỳ-nát coi mình là chướng mắt mà tìm cách làm bận đến mình.

Tưởng nhà nước nên xét tìm lấy một cách nào để thu phục phái thanh-niên có Tây-học ở thôn-quê vào làm kỳ-lý. Đó là một cách vừa làm thỏa lòng những cha mẹ học-trò ở chỗ hương-thôn (xem đoạn trên, nói về nguyện-vọng người bình-dân nhà quê) vừa lấy thêm được nhiều người giúp việc sẽ tận-tâm đối với những việc cải-lương.

■

Nguyện-vọng của các quan An-Nam

Quan An-Nam xưa nay đã đeo mãi cái tiếng là « hay ăn tiền! ». Đáng buồn thay, mà buồn nhất là bây giờ tuy có hai phái trong quan-trường, một là những nhà cựu học hãy còn lại, hai là những nhà tân-học chân Cao-đẳng hay chân Cử-nhân, Tiến-sĩ tân-học xuất-thân, song quan tân-học mà đến lúc ăn tiền thì ăn cũng chẳng kém gì quan cựu-học!

Nhưng đứng về phương-diện quyền cai-trị của chính-phủ mà nói, thì các quan An-Nam, — nhất là ở Bắc-kỳ, quyền bổ-dụng do ở quan Thống-sứ (1), — vốn biết rằng cái quyền của các quan là nhờ vào chính-phủ Bảo-hộ mà mới có, cho nên rất tận-tâm với Chính-phủ.

Còn đối với dân, thì các quan vẫn là tiêu-biểu cho quyền-chính, mà bản-tính của dân An-Nam tự cổ chí lai vẫn có cái nết tốt biết kính-trọng những nhà cầm quyền.

Thế cho nên những kẻ phản-đối quan-trường mà ước ao sẽ có ngày quan-trường bị bỏ, thật là không thức-thời chút nào: bỏ quan-trường sao được? Ngay bên Tây, cũng phải có những quan *Préfets*, *Sous-préfets*. Bỏ quan-trường thì lấy gì mà thay vào? Dẫu lấy gì thay vào cũng không thể có công-dụng được như quan-trường.

(1) Theo một đạo Dụ của Hoàng-thượng đặt ra kỳ thi kén chọn các quan cho cả hai xứ Trung Bắc-kỳ, thì từ năm 1935 Triều-đình Huế sẽ có dự vào sự tuyển-cử các quan cả ở Bắc-kỳ nữa.

Quan-trường bây giờ, không phải là không có thể đem câu nói của HAMLET mà than rằng « *hình như có đôi chỗ mục nát!* » Nhưng trải qua lịch-sử, quan-trường đã tỏ cái ích-lợi của quan-trường đối với dân nước.

Hiện-tình quan-trường sở-dĩ đáng buồn, nhiều các quan nói rằng: bởi vì hai nhẽ, mà ta cũng phải công-nhận rằng hai nhẽ ấy rất đúng: một là lương các quan An-Nam rất ít, mà phong-tục của quan An-Nam buộc các quan phải sinh-hoạt một cách khang-trang; hai là: các quan An-Nam nhẽ ra là quan cầm quyền (*fonctionnaires d'autorité*) mà kỳ-thực chỉ được làm những người thực-hành mệnh-lệnh (*agents d'exécution*). Thế mà nếu có xảy ra việc biến-động chẳng hạn, cũng như trong nhiều việc khác, thì trách-nhiệm đổ vào quan An-Nam một phần rất lớn, dù cái quyền hành-động đã công-nhận cho quan An-Nam chẳng có mấy tí.

Nếu theo chính-sách Bảo-hộ « đúng mực », Bảo-hộ y như lời giao-ước giữa hai nước Pháp-Nam, thì sự tăng-quyền cho các quan An-Nam chính là hợp nghi lắm.

Song đối với vấn-đề đó, còn có nhiều phương-diện khác, rất khó-khăn; những sự nhũng-lạm của một vài người quan tham-lam, đã làm cho quốc-dân không có tín nhiệm vào quan trường, trừ một vài bậc có danh-vọng ở quan giới. Nói đến tăng quyền cho quan An-Nam, tô-điểm lại cái cơ-sở cũ-kỹ ấy, thì ít người hoan-nghênh.

(*Kỳ sau tiếp theo*:
Nguyện-vọng thanh-niên)

HÁN THU

TA NÊN CẢI-CÁCH LẠI LỄ-NGHI THẾ NÀO?

Lễ với nhạc đều là cái của người ta đặt bày ra để làm cho sự sống có văn-vẻ, thêm tôn-nghiêm, thêm thú-vị mà cùng duy-trì, cùng yên-ủi với nhau. Loài người từ lúc bắt đầu tiến-hóa, đâu đấy đều biết bày đặt ra lễ-nhạc. Nhưng vì sự tổ-chức của xã-hội, điều ưa-chuộng của tính-tình, lúc ban đầu mỗi nơi mỗi khác, nên tinh-thần hình-thức của lễ-nhạc cũng mỗi dân-tộc một riêng. Vả lễ-nhạc của một dân-tộc là do cả một dân-tộc theo ảnh-hưởng của xã-hội, của tính-tình chung mà bày đặt ra, tích-lũy đời đời mà thành. Cổ nói: « Thánh-nhân chế-tác ra lễ-nhạc » là lời tán-tụng cái công chỉnh-định lễ-nhạc của quân tướng một thời mà thôi, chứ thực chẳng phải bởi một người nào mà một lúc bày biện ra được.

Từ khi cuộc đời giao-thông, người Á-đông ta được tiếp-xúc với lễ-nhạc Thái-Tây, là thứ lễ-nhạc mà nó không những khác với lễ-nhạc của ta, chính nó có nhiều chỗ khác hẳn cả với lễ-nhạc cũ của người Thái-Tây cổ-thời nữa. Nó do cái công-trình của nền học-thuật mới, nền xã-hội mới của người Thái-Tây hơn 200 năm nay mà sáng-thiết nên. Cho nên nó tinh-vi, nó hoán-bị, nó khoái-hoạt và nó mạnh-mẽ. Đối với cái nguyên-lý của lễ-nhạc khi xưa, nó cùng thiết-thực. Nhân đó người Á-đông mới tỉnh-ngộ rằng vấn-đề lễ-nhạc cũng như mọi vấn-đề học-thuật, xã-hội, chính-trị, người Thái-Tây đã canh-tân cả rồi, mà ta vẫn còn thủ-cựu. « Cựu » thì cũ kỹ, hủ-lậu đã cố-nhiên rồi. Song trong cái « cựu » của ta đó nó lại còn biết bao cái sai-lầm của thế-tục lâu ngày hỗn-tạp vào. Bởi vậy cái nghị canh-cải lễ-nhạc cùng với những cái nghị cải-cách học-thuật, xã-hội và chính-trị đồng-thời sôi-nổi lên khắp một vùng trời tây biển Thái-bình.

Nhưng lại phải biết lễ-nhạc chỉ là cái hoa, mà học-thuật, xã-hội và chính-trị mới là cái gốc. Gốc có cải-tạo thì hoa mới sinh sắc. Vì vậy duy có Nhật-bản được thời được cảnh nên cuộc duy-tân làm được trôi-chảy từ gốc đến ngọn. Còn như Trung-quốc từ bấy lâu đến nay, cái gốc ngày càng lung-lay, thì còn lấy đâu mà nảy nở ra bông hoa mới tốt đẹp được. Thế cho nên bốn năm-mươi năm nay các đấng tiên-giác bên Trung-quốc hết sức hô-hào cải-cách, rát hầu bỏng cổ, mà lễ-nhạc cũng như mọi cái kia, nào đã có cái gì thay đổi thành ra thể-thống gì. Cho mới biết hoa đẹp phải nhờ ở gốc. Phương-chi là ở cái nơi mà tình-thế cảnh-ngộ còn khó-khăn hơn, như là ở Việt-Nam.

Tuy-nhiên, vẫn biết thế, vẫn biết công-cuộc đổi mới lễ-nhạc phải nhờ vào lúc dân-trí đã khai-thông nhiều, không thì cũng phải nhờ vào quyền đôn-đốc khích-khuyến của quốc-gia mới có thể làm được. Song đó là nói về toàn-thể lễ nhạc của cả một nước, nói về công-việc đổi mới lễ-nhạc ấy mà muốn thực-hành một loạt cho cả một nước kia, thì là như thế thực đó. Còn như những điều tiểu tiết của lễ nhạc

thuộc về phong-tục dân-gian hằng ngày, mà những cái tập-tục tệ-ác ở trong, không những nó làm sai-lạc mất cả nguyên-lý của lễ-nhạc khi xưa, mà nó lại làm thúc-phọc tổn-hại cho thân-gia người ta, thì dù sao mặc lòng không kịp trừ bỏ đi không được. Vả việc canh-cải này thuộc về quyền riêng của cá-nhân, người ta có thể tự-do thực-hành canh-cải lấy cho thân mình, cho nhà mình hay là cho chỗ đoàn-thể riêng của mình được, thì ta còn đợi đến ngày nào. Bởi vậy Nam-Phong *số 192, tôi đã bàn về vấn-đề cải-cách âm-nhạc ở dân-gian, kỳ này lại xin bàn về vấn đề cải-cách lễ-nghi ở dân-gian, gọi là góp thêm ý-kiến để những nhà có chí cải-cách những lễ-nghi ở dân gian được rộng đường kén chọn.*

Nhưng chúng ta lại phải biết rằng việc chống với phong-tục, nói thì dễ mà làm thì rất khó, phi kẻ trượng-phu có chí quả-quyết thì không cản nổi được những trở-lực của người ngu quanh mình mà thực-hành đi được. Vậy xin ai đã biết thì tự mình phải làm ; đừng có dám nói mà không dám làm, hoặc chỉ xui người ta làm mà thân-gia mình thì vẫn y-nguyên những lối hủ-bại, thì dù khi có quyền đốc-khuyến của quốc-gia, cũng chưa chắc đã làm gì nên.

Trong bài cải-cách lễ-nghi này có ba mục là : Lễ tang, lễ thờ-tự và lễ hôn-phối.

I.— Lễ tang

Chữ « tang 喪 » nguyên là chữ Hán, do chữ « táng 葬 » mà ra. Táng là mất, mất nước, chết mất cha mẹ. Nhưng lễ-văn đối với cha mẹ hoặc người thân nào lúc chết đi đều gọi là lễ tang. Loài người ở đâu đã hơi có chút văn-hóa đều lấy việc tang làm trọng, vì cái cảm-tình sinh-ly tử biệt tự-nhiên nó xui-khiến nên. Cho được tỏ ra cái cảm-tình thương-xót ấy, tùy giáo-nghĩa, tùy quan-niệm, mỗi dân-tộc đều có bày đặt ra một thứ lễ tang, hình-thức khác nhau mà tinh-thần là một. Duy ở Á-đông chế-độ gia-tộc là nền móng của xã-hội. Giáo-nghĩa trong nhân-sinh, luân-lý lấy hiếu làm gốc, cho nên đối với việc tang cha mẹ về cảm-tình như đau thương giữ hiếu, về nghi-lễ như tế bái chôn cất, đều rất ưu-hậu ; do ưu-hậu rồi thành phiền-trọng phiền-trọng rồi thành bắt-buộc, giả-dối hư văn. Từ ba nghìn năm trước đã thành lưu-tệ, cái tục « hậu táng » lưu-truyền bấy lâu, người ta đã lấy làm chán lắm rồi. Họ Mặc đời Chiến-quốc đã đem cái tục hậu-táng ấy mà đổ tội cho phái nhà Nho, nhưng xét ra nhà Nho chỉ là bọn học-giả tuân giữ những lễ-văn cũ ấy mà không biết xướng-nghị thay đổi đó thôi. Thực thì do tự xã-hội đặt bày tích-lũy từ thượng-cổ, chứ cũng chẳng bởi một vị đế-vương thánh-hiền nào sáng-tạo một lúc mà thành như thế được. Song đã có người biết là hại mà không thay đổi được, là vì hoàn-cảnh và tư-tưởng của xã-hội không thay đổi.

Xuống đến đời sau, sang Việt-Nam cũng như ở Trung-quốc, tục hậu-táng lại hỗn-tạp thêm vào những tà-thuyết mê-tín những hủ-tục cổ-bàn, khiến cho thành họa-hại mê-hoặc không biết chừng nào !

Đời nhà Lý chịu ảnh-hưởng xuất-thế của đạo Phật, Lý Nhân-tôn lúc lâm-chung có để di-chiếu trừ bỏ tục hậu-táng, nói rằng : « Chết là số thường của trời đất, vật-lý đều như vậy. Thế mà người đời cứ hay làm ma to để hết mất sản-nghiệp, để tang lâu quá để đến hao-tổn cả tính thường. Những điều đó trẫm rất lấy làm không phục. Trẫm

9

đã ít đức, khi trầm mất rồi thì chỉ cho để tang ba ngày mà thôi, còn tống-táng theo như lối kiệm-ước của vua Văn-đế nhà Hán».

Vua Nhân-tôn phản-đối tục hậu-táng mà thực-hành ngay cho kẻ đối lần đối với ngài, còn ngoài ra người ta không dám theo, nên chỗ cốt-yếu của tờ chiếu không hay thực-hành để bổ-ích cho đời được.

Nay đối với cuộc cải-cách tang-lễ, ta chỉ cốt làm thế nào cho giản-dị để theo

Mẹ — Không sợ, ông Khóa chống gậy cụ đấy mà !
Con — Thế con nghĩ là người điên.

với ngài, như thế thực là phải. Duy có một điều là cha mẹ chết mà chỉ để tang giữ hiếu có ba ngày, không khỏi bạc tình. Vì thế chỉ có tự-quân theo làm một và theo cho được đúng như đã định, không để cho người ta phải có chút giả-dối miễn-cưỡng gì, mà cái hiếu-niệm khi xưa vẫn còn.

Đối với việc tang, một điều nên thực-hành trừ bỏ trước nhất là những điều mê-hoặc của bọn phù-thủy và những điều nghi-văn phiền-toái trong sách Thọ-mai.

1) Lúc lâm-chung. — *Lâm-chung là cái phút cuối cùng của cha mẹ hoặc người chí-thân của mình cùng mình vĩnh-biệt tức là lúc rất quan-trọng. Cái lúc thương-tiếc bối-rối dễ khiến cho người chủ sự hay sơ-suất. Vậy dù sao kẻ chủ-sự cũng phải nên lòng để mà lo toan mọi việc cho người sắp qua đời được mọi điều châu-chi. Nghĩa là phải kính-cẩn đối với ý-nguyện, đối với di-hài của cha mẹ lúc đó, chứ không phải chỉ lo-toan làm ma chay cho to, để hãnh-diện mình mà gọi là lo việc cha mẹ như hủ-tục thường làm đâu. Khi đang hấp-hối phải để cho yên-tĩnh, phải nài hỏi và biên chép lấy lời di-chúc là cái ý-nguyện của người chết. Sau khi đã tắt-nghỉ phải đặt cho diện-mạo thân-thể người chết được ngay thẳng tề-chỉnh, không được ngáng đũa và bỏ tiền gạo vào mồm. Đồ khâm-liệm giản-dị không được bó buộc như người bị trói như thói-tục vẫn làm.*

Những sự xem giờ làm bùa trừ thần-trùng của bọn phù-thủy tuyệt không nên nghe. Thường cũng có nhà tang lại bị luôn một vài người chết, đó là do bệnh dịch truyền-nhiễm, hoặc sự bất-hạnh ngẫu-nhiên của nhà đó, chứ cũng không có gì lá lạ. Bọn phù-thủy bèn lợi-dụng lúc người ta lo sợ ngờ-hoặc ấy, bịa ra là có một thứ hung-thần gọi là « Trùng-tang = Liền-tang » nó làm. Có thể lấy giờ chết với tuổi tác của người chết mà tính ra được. Từ đó họ bèn lập thành ra sách vở để suy-tính và cách làm phù-bùa để chấn yểm. Người ngu liền tin theo, khắp cả nước Tàu và nước ta cũng còn nhiều người mê-tín. Duy đời Hậu-Lê có Quận-công Trần-Cảnh ở Nam-sách, lúc mất, ông di-chúc con cháu đời đời không được mời thầy phù-thủy làm bùa trùng cho người chết. Nay con cháu họ Trần vẫn giữ được lời tổ-huấn là không mời thầy phù-thủy trừ trùng, mà họ ấy cũng chẳng thấy ai nói là có xảy ra nạn chết vì thần-trùng bao giờ, thì biết cái gì mà không tin là không có nữa.

2) Việc để tang giữ hiếu.— *Chế ra một thứ đồ mặc riêng cho người có cha mẹ hoặc thân-nhân chết, để tỏ lòng thương tiếc trong một thời-kỳ, gọi là để tang. Thứ đồ mặc ấy có pháp-chế định sẵn nên gọi là chế-phục, theo tiếng ta đọc trạnh đi nên gọi là « để trở », tức là mang chế-phục. Trong thời-kỳ để tang ấy phải kiêng-kỵ nhiều điều gọi là « giữ hiếu » (thủ hiếu 守孝).*

Trong kỳ giữ hiếu với cha mẹ, cổ-giả có nhiều điều cấm-kỵ quá nghiệt như: lệ đình-gian phải cáo quan về và cấm sinh-dục trong kỳ đại-tang, cấm kết-hôn và làm chủ-hôn, cấm dự tiệc vui mừng v. v. Nay thông-tục chỉ còn giữ hai điều là không được kết-hôn và làm chủ-hôn, không dự tiệc vui mừng mà thôi. Tuy vậy, về khoản cấm kết-hôn trong lúc đại-tang, nếu cứ bắt phải chờ cho hết trở, thì lắm khi lỡ việc lứa đôi một đời của con cháu. Nay tưởng nên người đại-tang đã được nửa năm trở ra, mà gặp việc hôn-nhân nào có tình-tiết cần cấp, tưởng nên quyền-nghi cho làm lễ kết-hôn một cách giấu giếm, nghĩa là không được mở tiệc linh-đình mừng rỡ mà thôi. Còn như tục thường cho cưới chạy tang trong khi quan-tài tại thượng, làm như thế xét ra có nhiều khi vội-vàng không kịp kén chọn, về sau không khỏi sinh ra

nhiều điều hối-hận; nay tưởng không nên theo tục ấy nữa.

Đến như bộ đồ tang-phục cũng phải nên cải-cách lại. Cổ-giả chế ra bộ đồ tang-phục để trở cha mẹ một cách tồi-tàn là để dạy cho người ta động thêm lòng hiếu-niệm, nhưng không khỏi quá đáng. Cái mũ vòng rơm quấn bẹ chuối, cái áo sô xấu, lại cái gậy chống để cho người phải lom-khom, trông như một kẻ mới bị điên-dại muốn hủy-hoại cả dung-nghi đi. Nếu bảo rằng như thế là để tỏ lòng đau thương, nhưng như thế cũng chỉ là mới bày ra được cái hình-thức đó thôi. Hiếu với cha mẹ là ở chỗ thực lòng, chứ có ở đâu chỗ phô-diễn bề ngoài. Còn cái gậy là nghĩ rằng cổ-nhân vì khóc thương quá thành gầy yếu phải chống gậy mới đi được. Nhưng ngày nay có kẻ mũ gậy lom-khom mà miệng sặc lên những mùi rượu thịt và thuốc phiện, thì phỏng còn dùng gậy làm gì. Vậy ngày nay tưởng nên bỏ hai cái mũ gậy ấy đi. Một người bạn tôi đã thực-hành bỏ mũ gậy khi đưa tang mẹ, làm đã ngoại 10 năm nay rồi. Trước làng xóm còn chỉ nghị, sau cũng cho là phải. Tang-phụ: thì chỉ nên giữ khăn ngang với áo sô mà thôi. Giàu nghèo khăn áo đều phải bằng thứ vải ta thô-mộc, hoặc vải thâm. Người đã mặc Âu-phục khi tống-chung cha mẹ, cũng phải theo như thế. Tống-chung rồi mới được đeo «băng» thâm theo tang-lễ tây.

Lễ tang tây, không có tang-phục, tống-chung cha mẹ rồi mới chế một cái «băng» thâm (1) đeo lên mũ mà thôi. Là người ta lấy rằng mai táng cha mẹ xong thì lòng con cái mới khỏi lo sợ bối-rối, mới càng nhớ thương mà chế ra đồ để tang. Lại không muốn làm dị-dạng quá để không tiện cho lễ xã-giao với quần-chúng, nên chỉ dùng một cái băng là đủ.

Tóm lại ta chỉ nên giữ lời ngạn-ngữ của tiên-dân để lại là: « Hiếu để bụng » là phải, chứ không nên câu-nệ hình-thức. Vả bụng đã không có hiếu thì hình-thức có can-hệ gì.

(Còn nữa)

Nguyễn Trọng-Thuật

(1) Đen là sắc chết, nên lễ tây lấy sắc đen biểu-hiệu cho việc tang.

MỘT ĐẠO LUẬT BẢO-HỘ TẰM-TƠ

■

Gần đây thứ tơ nhân tạo chế-hóa ngày càng tinh-vi, máy dệt ngày càng khéo-léo, những hàng mặc bằng thứ tơ giả ấy nhập-cảng vào nước ta ngày càng thịnh-vượng. Hàng đẹp giá hạ, mập-mờ đánh lận con đen. Người ta phi là nhà nghề, mấy ai đã có con mắt phân-biệt cho biết vàng thau ngọc đá. Lại gặp lúc nhân-tình sốt-sắng cầu tân, chẳng mới được phần trí-thức âu hẳng mới về phần dáng-dấp. Những hàng giả-dối ấy đầu-cơ lại càng được dịp. Bởi vậy mà người ta xô nhau đua nhau chuốc lấy những hàng mặc màu-mè mới lạ, mà kỳ-thực nó là những thứ giả dối mà không biết. Còn những thứ chân-thực bằng những thứ tơ tằm dai bền, nhưng vì hình-thức chất-phác thì người ta khinh bỏ không thèm dùng tới. Khăn lượt, áo the, quần lĩnh ấy là những hạng trai gái tiêu-biểu cho phái thủ-cựu. Áo sa-tanh, bông-bay, quần cẩm-châu ấy là những hạng trai gái tiêu-biểu cho phái duy tân.

Chẳng cần thật hay giả, bền dai hay chóng hỏng, chẳng cần cảm-tình, miễn vừa nhẹ đồng tiền mà khoác vào người lại ra vẻ một nhân-vật tân-thời, trong cuộc xã giao ai trông cũng phải nể-nang. Như thế thì người ta xô nhau đua nhau cũng là lẽ thường, không lấy gì làm lạ. Bởi vậy mà nay phái phụ-nữ thôn-quê bấy nay ở trong cái nghề hái dâu chăn tằm, ươm tơ dệt lụa là cái nghề thủ-công, cái nghề gia-đình kỹ-nghệ còn sống sót trước khi xã-hội ta chưa thịnh-hành máy móc, cũng chung một số phận thất-nghiệp đáng thương. Mới đây có bài phong-dao tả một người thiếu-phụ kẻ La— nơi chuyên nghề dệt the lụa — đi bán hàng tơ ở thành-phố Hà-nội, đi suốt ngày hàng ế, tối về con đói. Thực đúng cái tình-cảnh khốn-quẫn của con nhà nghề tơ lụa xứ ta hồi này.

Ý hẳn những nhà dân-biểu bên Thái-Tây đã thấu đáo cái tình-cảnh chung của nhà nghề tằm-tơ ở các nơi trong thế-giới, đã đều bị cái nạn sinh-nhai khốn-quẫn ấy. Bị cái nghề tơ giả nó đánh đổ nghề tơ thật, không những nó làm tai nạn cho kẻ nhà nghề chế hàng tơ thật, mà nó làm thiệt-hại cho cả những người không tinh mà dùng nó.

Bởi vậy mà ngày 24 Mai vừa rồi, tại Hạ-nghị-viện bên Thượng-quốc, đa-số nghị-viên đã đầu phiếu ưng-chuẩn bản dự-án một đạo luật mới để bảo-hộ cho nghề tằm tơ, đại-khái như sau này:

« Cấm những thứ hàng làm không « toàn bằng tơ tằm, không được lạm- « dụng cái tên « hàng tơ lụa » mà đem « nhập-cảng, hoặc mua trữ để bán, hoặc « đem bán. Những hàng có ít ra là nửa « phần tơ thì sẽ gọi tên là thứ hàng có « tơ chộn » (soie mélangée). Các hàng « có dưới nửa phần tơ và ngoại một « phần tơ trọng-lượng bằng tơ lụa thì « lấy tên chất-chính mà gọi tiếp theo « tên « có chộn tơ lụa ». Còn những hàng

« khổ ngang hay chiều dài bằng toàn « tơ thì đặt tên thứ hàng có « khổ ngang « hay khổ dài » bằng tơ.

« Khoản thứ hai nói rằng người nào « gian-trá đánh lừa khách mua hàng « sẽ phải chiếu theo đạo-luật ngày 1er « Août 1905 và khoản 13 đạo luật ấy « mà phạt. » (Theo bản-dịch của Phụ-nữ Thời đàm số 25).

Đạo luật này sẽ đem thi-hành cả các nơi thuộc-địa, thuộc-quốc của nước Pháp. Thực là một điều có ảnh-hưởng lớn về sự chấn-hưng cho công-nghệ tằm tơ trong nước ta hiện nay. Bởi vì cứ như trong lời luật trên ấy đã nói rõ thì những thứ hàng bằng tơ giả đã không được nhập-cảng, mà nhà hàng trong xứ cũng không được trữ và bán. Lại những thứ có chộn tơ hoặc pha làm khổ ngang, khổ dài, đều phải khai minh, không được lừa khách mua mà nói là thuần tơ tằm cả như ngày trước. Như thế thì những hàng thuần tơ tằm mới giữ được giá-trị của nó. Những hàng thuần tơ tằm có giữ được giá-trị thì nghề nuôi tằm, ươm tơ, dệt the-lụa của bản-quốc mới mong còn vớt-vát lại được chút công ăn việc làm.

Tơ nhân-tạo giá đã hạ, nhưng hàng mặc bằng thứ tơ ấy lại chế-tạo bằng máy móc vừa khéo vừa chóng, nên bán rẻ được mà người mua dễ mắc lừa. Thế mà tơ tằm thì lại tốn nhiều công-phu, hàng ta lại chế-tạo bằng thủ-công vừa chậm vừa không được tinh-xảo cho lắm, giá lại phải bán cao, thì hàng tơ tằm quyết không thể nào cạnh-tranh với hàng tơ giả được. Tất phải tới khi thứ hàng ấy bị cấm hoặc hạn-chế bớt đi, thì bấy giờ nghề tơ lụa của ta mới có thể lại khởi-sắc lên được. Vì rằng hàng ngoài tuy nhờ máy móc nhanh chóng, nhưng cái vốn tơ tằm đã cao thì cũng không có thể bán hạ giá như thứ tơ giả được. Còn hàng ta thì tuy phải làm bằng chân tay chậm-chạp, nhưng nhân-công của ta hạ, ta có thể so với cái giá của hàng ngoài, lấy công làm lãi mà kiếm được bát cơm. Xem đạo luật trên đó chúng tôi thực lấy làm mừng cho các bạn phụ-nữ thôn-quê, con nhà lấy nghề hái dâu chăn tằm, ươm tơ để nuôi sinh-mệnh bấy nay.

Chúng tôi biết cái nghề tằm tơ, ươm dệt ở nước ta, cũng không lấy gì làm lợi-lộc cho lắm. Nghề đã làm bằng tay lại tản-mạn ra nhiều các gia-đình, lặt-vặt tiểu-kỷ, còn lấy đâu mà phát-đạt được. Nhưng trước khi kỹ-nghệ của xã-hội mình chưa phát-đạt, số nhiều bọn phụ-nữ thôn-quê cũng may nhờ nó mà có nghề-nghiệp thường. Một cái nghề khéo-léo mà thanh-nhàn, vừa nuôi được con vừa giữ được nhà. Chớ bây giờ kinh-tế toàn thế-giới còn đang khốn quẫn, xã-hội ta lại còn ngặt-nghèo hơn, nếu mà họ phải bỏ nghề đó thì họ còn đi làm nghề gì.

Đi buôn bán chăng? Nhưng không có vốn và biết buôn bán gì bây giờ?

Đi cấy, làm cỏ, cắt rạ chăng? Nhưng mỗi năm chỉ có mấy ngày mà việc đó cũng đã thừa người rồi.

Đi làm phu-hồ cả chăng? Nhưng việc đã ít mà xem cũng nhẽ-nhại cho cái thân yểu-điệu lắm.

Đi làm phu mỏ cả chăng? Việc ít mà xem cũng quá lầm-than cho cái phận liễu-bồ.

Thế cho nên mỗi khi chúng tôi đội khăn mặc áo, cũng biết cái áo the, cái khăn lượt nó không có vẻ mĩ-quan ở cái đời hoạt-động này, nhưng nghĩ đến phái phụ-nữ tằm-tang phường-chức vụng-về khốn-đốn ở chốn thôn-quê, thì

chúng tôi lại phải trung-thành với cái áo the cái khăn lượt này là vì họ. Thực thế.

Tuy vậy, nhưng không có thể nói cảm-tình mãi ở đời tri-xảo và công-lợi này được. Vậy muốn sống về nghề, muốn cho nghề mình sống, ta quyết phải cải-cách để tiến-bộ hơn lên thì mới cạnh-tranh lại được chút lợi.

Thừa dịp này, nghề dệt, nghề nhuộm đều phải hết sức chấn-hưng, mà hai nghề phải cùng nhau hợp-tác để cùng mưu lo cho cùng phát-đạt.

Về nghề dệt, những lối dệt hàng cũ như lương, lĩnh, the, lượt phải làm cho tinh-khéo hơn. Lại tìm cách dệt đủ những thứ mới thanh-nhã để cung cho các kiểu nữ-trang tân-thời. Lại dệt lấy nhiều những hàng để may quần áo tây cùng các thời-trang của đàn ông.

Về nghề nhuộm, đem các hàng tơ tằm của ta nhuộm đủ các màu-mè thanh-nhã để cung cho các « mốt » tân trang.

Thanh thanh chuộng lạ, là thói thường người ta, ở đời phải biết chiều đời, vậy hàng trong cũng phải theo đuổi cho được ít nhiều cái lối-lăng mầu-mè mà người đời đang ưa muốn. Thì bấy giờ mới có thể lấy danh-nghĩa « nội-hóa » mà mời chào nài ép khách mua được chứ. Không biết nghĩ tới chỗ đó mà cứ lấy « cảm-tình » làm bùa hộ-mệnh thì là quê. Xin các nhà thực-nghiệp, các nhà kỹ-xảo trong nước lưu-ý.

NGUYỄN HỮU-TIẾN

GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC (1)

III

7. — Giáo-dục về điều lễ

Dạy trẻ con, cốt-yếu phải dạy cho nó biết điều lễ. Về điều lễ, thứ nhất là phải dạy cho trẻ con biết cách đối với các bề bậc lớn nhỏ. Vậy không những chỉ dạy cho nó đối với cha mẹ, bác chú phải tôn-kính thế nào; đối với anh chị phải hòa-nhượng thế nào, mà chính người làm cha mẹ, khi trước mặt con cái, mình hay nói xấu chú bác nó, thì là mình dạy cho nó không coi chú bác nó ra gì, thì tự-nhiên nó xử vô-lễ với chú bác nó ngay.

Không những thế, muốn cho trẻ con biết hòa-nhượng với anh em nó, thì tự những việc tầm-thường chia quả chia bánh cho con cái cũng phải để ý, cho đứa là anh là chị trước rồi mới cho đến đứa là em. Quả to thì phần đứa anh đứa chị, quả nhỏ thì phần đứa em, đó là dạy cho con trẻ biết cái đạo bề-bậc lớn nhỏ. Cha mẹ không lúc nào ở khác cái đạo đó, thì con cái tự-nhiên đối với anh chị nó, nó không dám sai. Đối với chú bác nó, nó không dám sai. Ở trong nhà nó đã không dám sai thì ra ngoài gặp thầy-giáo, bậc tôn-trưởng, tự-nhiên nó không dám sai.

— Điều thứ hai phải dạy cho trẻ con biết cách-thức về việc lễ. Tỉ như cất mũ chào là một nghi-thức về sự hành-lễ bây giờ. Phải bảo cho trẻ con biết rằng khi cất mũ chào ai, mắt phải trông vào mặt người mà mình chào ấy, thì mới là phải phép. Như không biết dạy cho con biết cách-thức cất mũ chào như thế, rồi gặp ai nó không biết cất mũ chào, hay là có cất mũ chào, nhưng mắt lại nghênh đi chỗ khác, thì cũng lại là không biết lễ. Thế cho nên như dạy con trẻ về việc lễ-phép ấy, phải một mặt mình ra hiệu để tập cho nó làm thử cái cách-thức ấy đi đã, một mặt thì cắt nghĩa cho nó hiểu rõ về ý-nghĩa dùng lễ ấy.

— Điều thứ ba, về điều lễ có nhiều chủng-loại, từ những lúc ngồi ăn cơm, đi ngủ, thức dậy, nói chuyện và đi đường vân vân. Không cứ ở đâu, bao giờ, đối với ai và làm việc gì, đều có lễ-tiết khác nhau. Người làm cha mẹ phải tùy từng nơi từng lúc, tuy từng người từng việc mà dạy bảo cho con cái nhất-nhất từng tí một. Chứ không phải là chỉ dạy cho nó một việc cất mũ, ngả đầu để chào mà thôi, còn thì tha-hồ mặc nó cứ tự-tiện, muốn làm thế nào thì làm đâu.

8. — Giáo-dục về điều trí

Trí là thông-minh, là trí-thức. Nhiều người dạy trẻ con đều tưởng lầm rằng chỉ có việc nhận chữ và đọc sách là cái

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 193.

cơ-khí có một không hai để mở-mang thông-minh, tri-thức cho con trẻ mà thôi. Vì thế các người ấy cho rằng dời sự nhận chữ và đọc sách ra, không còn phép gì để mở-mang thông-minh, tri-thức cho trẻ con nữa. Cho nên ngày ngày họ cứ bắt ép con nhận chữ đọc sách, khiến cho đứa trẻ thơ phải ù đầu rối trí. Còn ngoài ra, không cứ việc gì cũng đều không biểu bảo cho nó, khiến cho đứa trẻ quen tính đi, ngoài sự đọc sách ra, đến con gà con lợn, hột đỗ, hột thóc, nó cũng không biết được cho rõ-ràng. Như thế đều là không biết cách dạy cả.

Phải biết khi trẻ thơ chưa đến tuổi đi nhà trường, thì không nên cho nó nhận chữ đọc sách. Chỉ nên từ khi con lên 2, lên 3 tuổi trở đi, nó đã biết nói thì phải mở-mang thông-minh tri-thức cho nó dần-dần đi. Bắt đầu năm ấy hằng dạy cho nó biết những tên người tên vật. Tỉ như dạy cho nó biết ai là bác, là chú, ai là chị là anh. Cái gì là trẻ, là cơm, là rau, là thịt. Cái gì là áo, là mũ, vân vân. Nó nhớ qua những cái tên ấy đi rồi, đến năm sau lại dạy lại cho nó biết rằng cùng một cha mẹ sinh ra thì người con trai lớn hơn ta ấy là anh ta, người con gái lớn hơn ta ấy là chị ta. Bác là người anh cha ta, chú là người em trai cha ta. Trẻ là cây trồng ở trong núi, cơm là do thóc cấy ở ngoài đồng, rau hái ở ngoài vườn, thịt mua ở hàng thịt ngoài chợ, áo để mặc vào mình, mũ để đội lên đầu, vân vân. Nó đã biết tính-chất của từng người từng vật ấy rồi, năm thứ ba lại dạy lại cho nó biết đối với bác chú có đi phải tôn-kính thế nào. Đối với anh em chị em phải [illegible]a-nhượng thế nào. Trẻ phải pha [illegible]g nước, nước phải đun sôi. Cơm [illegible]i thổi bằng lửa, thổi cho thực chín. [illegible] phải rửa sạch sẽ thì ăn mới không độc, thịt phải nấu kỹ thì ăn mới dễ tiêu, mặc áo phải sốc cổ vuốt vạt, đội mũ phải sờ đàng trước đàng sau cho chỉnh. Phàm những việc đối với người và dùng mọi vật như thế, cứ trông thấy người nào vật gì, đều nhắc đến mà dạy.

Dạy cho đứa trẻ thơ nhất-nhất cái gì cũng đã hiểu rõ cả rồi, về sau tùy nơi tùy lúc, gặp người nào, vật nào hoặc việc nào, cũng lại dùng cái phép ấy dạy cho nó biết phân-biệt những cái danh-mục ấy đã, rồi lại dạy cho nó biết phân-biệt những cái tính-chất ấy. Sau rồi lại dạy cho nó cách ứng-dụng những sự-vật ấy.

Chỉ cốt cha mẹ dạy cho con từ ba tuổi đến sáu tuổi, thế là con đã hiểu biết đến mấy nghìn cái danh-mục và tính-chất, cùng là những cách ứng-dụng đối-phó ấy một cách rất dễ-dàng.

Làm như thế không những không phải dạy nhận chữ đọc sách, và trỏ thẳng ngay vào người ấy, vật ấy, việc ấy mà dạy, so với cách mở sách ra dạy, đứa trẻ thơ lại càng được một cách dễ hiểu dễ nhớ hơn hết, mà nó cũng không thấy khó-khăn khổ-sở chút nào.

Đến như cách cha mẹ chỉ bắt ép đứa bé nhận chữ đọc sách, tiếng tuy là để mở-mang tri-thức cho nó, mà thực thì là một cách dạy đỡ vất-vả cho mình. Cha mẹ đã đỡ vất-vả thì tri-thức của con cũng bị che lấp đi.

Lúc con còn nhỏ ở nhà, tri-thức của nó đã bị tổn-hại đi; đến khi lớn đi học ở nhà trường, có được ông thầy giỏi muốn khai-thông tri-thức ra cho nó, thì cũng phải tốn mất nhiều công-phu mà cũng khó có công-hiệu lớn được.

Lại không nên dùng cách dạy giản-tiện cẩu-thả mà lấy cái sự hoang-đường để dọa nạt con. Tục người Việt-Nam

dạy con, nhất là đối với đứa trẻ thơ, hay lấy cách dọa-nạt để dạy bảo cho chóng. Như mượn những người có dáng dữ-tợn, những đứa có hình xấu-xa để dọa rằng những người ấy sẽ mổ bụng, cắt tai, cho nó sợ mà nín không dám vòi. Hay là như con ra chơi nắng thì dọa « ông ù » đánh vỡ đầu, nó đòi gì thì dọa « ông ba bị chín quai » sẽ bắt đem đi. Trỏ vào só tối dọa nó là có ma, trỏ ra ngoài vườn dọa nó là có « ngoáo ». Những cách dọa trẻ như thế cũng có khi công-hiệu ngay hơn là đánh-đập, vì trẻ-thơ chưa hiểu gì, trông thấy những dáng dữ-tợn, nghe thấy những tên ghê-gớm thì nó sợ mà phải nghe lời ngay. Nhưng đó lại chính là một cách làm hại lớn cho trí-thức của đứa trẻ thơ rồi vậy. Một là gieo cái mầm mê-tín vào óc nó, lớn lên thấy sự gì khó xét một tí là cho rằng có ma quỉ ở trong. Hai là gieo cái mầm hèn nhát vào trong tâm nó, lớn lên thấy người mạnh hơn, cả trọng hơn, hay là kẻ liều-lĩnh đều sợ hãi trốn tránh, tuy có biết sự phải cũng không dám phản-trần.

Hèn-nhát tuy thuộc về trong điều nghĩa, nhưng thực cũng do ở sự giáo-dục về điều trí không phải phép mà ra. Bởi vì những người hay nhát sợ là những người không đủ tri-thức để phân-biệt cho biết phải trái đoan-đích thế nào cả.

Vậy thì dạy trẻ thơ cốt phải chịu khó dỗ-dành giảng-giải cho nó, phải tìm cái lời lẽ gì rất dễ hiểu mà bảo cho nó phải nghe mình mới thôi. Như nó ra chơi nắng, thì ra dắt nó vào, vừa dắt vừa trỏ vào đầu nó mà bảo còn chơi ở ngoài nắng này thì sẽ bị rức đầu mà ốm. Chứ đừng dọa nó « ông ù » đánh vỡ đầu. Lại muốn cho khỏi vòi thì tìm cách chơi gì, cái vật hay gì cho nó và làm cho nó khuây đi, chứ đừng mượn người làm ra dáng dữ tợn mà dọa nó. Những sự dọa khác cũng đều không nên dùng.

9. — Giáo-dục về điều tín

Muốn tập cho trẻ thơ nói thật, phải giữ hai điều như sau này : 1º — Cha mẹ nói câu nào, phải nói cho có sự-lý xác-thực, để cho nó không tin không được. Chứ không nên nói dối, nói những câu không có sự-lý xác-thực, không nói làm có, ít sít ra nhiều, để lừa trẻ thơ, mà bắt nó tin liều. Tỉ như con đang chơi ngoài cửa, cha mẹ muốn gọi nó vào, thì cứ nói cho nó biết rằng vì sao không nên chơi ở ngoài ấy. Hoặc là sợ nắng gió, hoặc là sợ xe ngựa, hoặc là sợ bẩn-thỉu, không nên chơi ở đó mà phải về trong nhà mà chơi cho mát-mẻ yên-ổn. Như thế là những sự-lý xác-thực cả. Nếu không biết hiểu bảo cho nó như thế, mà lại đi dùng mẹo để lừa nó, bảo «về đây tao cho cái này hay đáo-để». Nó hám lợi vội chạy ngay về. Vào nhà rồi thì chẳng có cái gì hay mà cho nó. Nó thất-vọng mà chán cha mẹ là đánh lừa nó. Bấy giờ tuy cha mẹ có nói tiếp rằng ở trong nhà mà chơi cho mát-mẻ yên-ổn không bị những điều hại sẽ xảy ra như ở ngoài cửa, thì bấy giờ nó cũng không cho sự nói sau là có sự-lý xác-thực nữa. Bận khác nó lại chơi ở đâu, cha mẹ có cái gì muốn cho nó thực mà gọi, nó cũng không tin mà theo lời ngay. Thế là trẻ con mà không vâng lời cha mẹ cũng là do cha mẹ hay nói dối nó đó mà thôi.

Đời xưa ở bên Tàu có thầy Mạnh-tử là bậc đại-triết. Mẹ thầy người ta gọi là Mạnh-mẫu, bà cụ này rất hiểu phép dạy con thơ. Khi bấy giờ thầy Mạnh còn bé, thấy bên nhà hàng xóm mổ

lợn, bèn hỏi mẹ rằng người ta mổ lợn làm gì. Bà Mạnh-mẫu nói đùa: «Mổ để cho mày ăn đấy». Lúc ấy chẳng qua bà cụ thuận miệng thì nói ra như thế đó thôi. Sau bà cụ hối lại, tự nghĩ rằng: «Con trẻ nó mới có tri-thức, mà ta nói dối nó, thế tức là ta dạy cho nó cái tính không tin thực đó». Bà cụ bèn sang nhà hàng xóm mua thịt lợn ấy về nấu cho Mạnh-tử ăn, để tỏ ra lời nói của bà là không phải dánh lừa con đâu.

Coi đó thì biết cha mẹ không có thể nào lừa dối được con. Ví phỏng có khi nào vì cỡ bất-đắc-dĩ mà phải nói dối một chút, thì qua lúc ấy lại phải thực-hành lời nói ấy cho ra hiện-thực. Bởi vậy cha mẹ có hứa cho con cái gì, sự gì, thì phải liệu có thể thực-hành cho nó cái ấy sự ấy được sẽ hứa. Chứ đừng khinh con thơ còn dại-dột mà dộng việc gì cũng nói dối nó. Cái phép dạy cho con sự tin thực của bà Mạnh-mẫu, chính là cái khuôn phép rất hay của khoa gia-đình giáo-dục ngày nay.

2° — Thói thường dạy con bé của người Việt-Nam ta có một điều rất dại là thấy con bé nói dối thì cha mẹ lại lấy làm mừng, cho rằng như thế là nó sớm có trí-khôn rồi nó sẽ hoạt-bát. Lại khi nó có lỗi nó đang luống-cuống sợ cha mẹ quở-trách mà cảm-động chực khóc, thì mẹ hoặc bố thương nó, bèn đỡ lời nó mà nói: «Đấy là anh (hay là chị) làm chứ không phải em». Như thế là, một là dạy cho con tính lém-lỉnh không thực, chứ không phải là hoạt-bát, hai là dạy cho con hèn-nhát không dám nhận lỗi mình lại đổ cho người khác. Hai cái thói dại-dột dạy trẻ thơ ấy đều có hại lớn cho nó và cho xã-hội sau này. Vì một xã-hội dã quen tính không tin thực đi rồi, thì ai còn dám tin ai, mà có tin ai cũng đều bị lừa cả, nên gần đây bao nhiêu sự-nghiệp công-cộng đều thất-bại là đều do tự người ở trong làm phá hỏng đi. Nay muốn cải-tạo lại xã-hội, trước phải tu-luyện tính-cách, mà nhất là cái tính-cách tin thực, mà phải tu-luyện ngay từ lúc còn trẻ thơ.

Tỉ như có hai đứa con, hôm ấy bỏ buổi học mà cùng đi chơi phố, rồi về đứa em nói với cha mẹ là đi học, còn đứa anh thì thực-thà nói là đi chơi phố, chứ không đi học. Cha mẹ tra hỏi việc ấy cho đích-thực rồi, trước đem cái sự nói dối ấy là bậy mà trách-phạt cho thằng em một cách rất nghiêm. Trách-phạt rồi mới đem việc bỏ học đi chơi là bậy mà giảng-giải sau.

Lại trước đem cái sự nói thực của đứa anh là hay mà khen ngợi cho nó, rồi sẽ đem cái lỗi bỏ học đi chơi phố là bậy mà hiểu-cáo cho nó, và cho nó được xin lỗi mà tha trách-phạt cho nó.

Như thế là không phải khen thằng anh đi chơi phố mà là khen biết nói thực. Trẻ con nhân đó biết rằng mình lỡ làm việc gì quấy mà cứ thực-thà nói ra thì được khỏi lỗi. Còn như càng nói dối thì lỗi lại thêm lỗi. Thế là nó biết nói dối là xấu mà nói thực là tốt.

Đời gần đây ở bên nước Mĩ có ông Hoa-thịnh-đốn (WASHINGTON) là bậc đại-anh-hùng lập nên nước Mĩ. Lúc ông còn bé ra vườn chơi lỡ làm gẫy một cái cây mà cha rất quí. Cha về hỏi ai làm gẫy, Hoa-thịnh-đốn nhận ngay là mình chót lỡ làm gẫy. Cha thấy con có đức tin thực, cảm-động quá, ôm con mà hôn và an-ủi mãi. Sau lớn lập nên sự-nghiệp oanh-liệt, cũng là do có tính tin thực từ bé. Coi đó thì biết những đứa trẻ tinh-danh dối-trá gian-giảo có làm nên gì được.

10.— Giáo-dục về cách trừ bỏ thói cẩu-thả

Người Việt-Nam ta có một cái thói ngỗ-hầu thành tính tự-nhiên, nó làm rất nguy-hại cho mình là cái thói cẩu-thả. Tôi đã từng đem cái bệnh cẩu-thả này nói ở bài « Người Việt-Nam » một cách rất chu-đáo và thống-thiết. Tóm lại như mấy câu này :

« . . . Việc gì cũng chẳng có cương-kỷ. Ăn cẩu-thả, ở cẩu-thả, học cẩu-thả, làm cẩu-thả. Cái sống cẩu-thả, cái chết cẩu-thả. Việc bản-thân cẩu-thả, việc nhà cẩu-thả, việc nước cẩu-thả, việc thiên-hạ cẩu-thả . . . Trước tưởng sềnh-soàng cũng được, sau thành cái thế vỡ-lở không có thể nào vãn-hồi, phàm việc lớn nhỏ xưa nay đều như thế cả. . . Cẩu-thả đã quen thành ra thiên-tính. Ươn hèn, nhút-nhát, bẩn-thỉu, vụng-về, tham-ô, su-mị, kiêu-ngạo, tàn-nhẫn, phàm những nết xấu đều bởi cái bệnh cẩu-thả ấy mà ra. . »

Nay tôi dịch sách « Gia-đình giáo-dục » này, thấy Chu Khánh-Lan tiên-sinh cũng nói người Trung-quốc sở-dĩ suy bại cũng toàn do ở thói cẩu-thả. Thì ra hai dân-tộc cũng cùng chung một bệnh-căn ấy. Vì bệnh-căn ấy mà khiến cho hai dân-tộc đều cùng thua kém trên con đường tiến-bộ hiện-thời. Trung-quốc tuy to, còn giữ được danh-hiệu, nhưng dân-sinh quẫn-khốn cũng không kém gì nước ta. Muốn còn sinh-tồn, đều phải phấn-chấn và hoạt-động. Vậy phải rèn cho trẻ bé trừ bỏ cái bệnh-căn cẩu-thả sớm đi.

Theo ý-kiến họ Chu thì như vầy :

Nước sở-dĩ không cường-thịnh, là do người nước làm việc có đầu không có đuôi. Do không giữ qui-củ, không ưa sạch-sẽ.

Cao-hứng một lúc thì khoác-lác những làm việc nghĩa nọ kia, nồng-nóng lên như người điên. Thế mà không đến ba ngày thì đã quên bẵng đi mất rồi. Ấy thế là làm việc có đầu không có đuôi.

Đi rẫn lên một bước nữa thì đến phòng sỉ, đến chỗ ống nhổ. Nhưng lại đi non lại một bước mà vấy-vá ra ngoài phòng sỉ, nhổ đờm dãi ra ngoài ống nhổ. Ấy thế là không giữ qui-củ.

Một tháng không tắm giặt một lần, một năm không quét nhà một lượt, người ngợm bẩn-thỉu, cửa nhà hôi-hám. Ấy thế là không ưa sạch-sẽ.

Người ngoài thấy mình làm việc có đầu không có đuôi, nên mới dám khinh mà không coi nước mình là một nước. Thấy mình không giữ qui-củ, không ưa sạch-sẽ, không khác gì ngựa trâu, nên mới dám khinh mà không coi người mình là người. Những cái đó đều tự mình làm ra, không nên oán ai. Suy ra cho cùng thì sở-dĩ sinh ra cái bệnh tệ-hại ấy chỉ do ở hai chữ « cẩu-thả » mà ra.

Đã cẩu-thả thì tinh-thần không hưng-khởi được, lực-lượng không vững-bền được.

Chỉ vì cẩu-thả cho nên làm việc gì cũng không nhớ được đến ba ngày. Chỉ vì cẩu-thả cho nên biết đích là phải đi bước nữa, mới hợp qui-củ, thì đi non lại một bước cho không giữ qui-củ. Chỉ vì cẩu-thả cho nên cho sự tắm giặt quét tước là những việc rất gian-nan to-tát, còn phải suy nghĩ ngày một ngày hai mà chửa làm xong. Vì cẩu-thả mà bại-sự như thế, hầu hết mọi người, mà xét ra cái bệnh cẩu-thả ấy nó thực truyền-nhiễm từ ngày còn bé mọn kia rồi. Nay cha mẹ đã hiểu biết cái tệ-hại

của cái bệnh cẩu-thả ấy, thì phải dạy bảo mà chữa sửa đi cho con cái.

Như lúc đứa trẻ ăn cơm, trong bát nó còn sót lại vài ba hột, phải bắt nó và lại mà ăn cho hết sạch đã mới được bỏ bát đũa xuống. Như lúc đứa trẻ viết một cái bài, đầu bài nó viết ngay-ngắn rõ-ràng, cuối bài nó viết quấy-quả. Hoặc đầu dòng tề-chỉnh, cuối dòng thảu lộn lên Thế thì phải bắt nó viết lại từ đầu đến cuối cho chỉnh-đốn đều một lượt. Ấy thế là cái cách cấm-chỉ đứa trẻ làm việc có đầu không có đuôi đó.

Khi đứa trẻ quét tước thường không quét sạch những chỗ góc nhà, gầm bàn, thì phải bắt nó quét lại. Khi nó mặc áo, áo ngoài phẳng-phiu mà áo trong cộn lên thì bắt nó phải mặc lại. Ấy thế là cách cấm-chỉ nó làm việc có đầu không có đuôi, coi qua mặt ngoài mà không xét kỹ mặt trong đó.

Bắt nó phải lấy khăn tay lau mũi dãi mà không được chùi ngang vào tay áo. Lúc ngủ bắt nó phải vào giường, không được nằm phục ngay ở chỗ ghế ngồi. Ấy thế là phép cấm-chỉ nó không giữ qui-củ đó.

Nếu nó không súc miệng, không chải răng, thì không cho ngồi cùng mâm ăn cơm với cha mẹ. Áo quần dầm mưa đã bẩn mà nó không thay, rây bùn đất vào mà nó không lau chùi đi, thì không cho nó được cùng chơi với anh em một chỗ. Ấy thế là phép cấm-chỉ nó không ưa sạch-sẽ đó.

Trẻ con lúc nó làm việc cẩu-thả nó tưởng như thế là giản-tiện, là đỡ vất-vả. Nhưng khi cha mẹ xét ra, tức thì bắt nó làm lại, thành ra lại phải thêm việc hơn, phải khó chịu hơn, thì tự-nhiên bân sau nó không dám ngại việc như thế nữa.

Từ lúc còn nhỏ, mọi đứa trẻ đã vất bỏ hết thảy những cái tính lười biếng đi rồi, tới lúc lớn lên tự-nhiên gây thành toàn-thể quốc-dân không biết cẩu-thả là gì. Như thế, quốc-gia hoặc có làm nên đôi việc có đầu có cuối, có mặt trong có mặt ngoài, mà nước mình mới đáng là một nước. Người nào cũng biết giữ qui-củ, ưa sạch-sẽ, người mình mới đáng là loài người.

(Còn nữa)

Đồ-NAM *dịch-thuật*

Ban hát Trần-Phềnh, toàn là trẻ từ 10 cho đến 15 tuổi, hát một điệu mới đã diễn nhiều lần ở Hà-thành

Cliché Hương-Ký

MỘT CUỘC ĐỜI MỚI (1)

■

(Tiếp theo)

Đại-khái nhiều việc khác ở nước Tàu, cũng giống như cái việc bỏ ngày tết cũ để ăn ngày tết mới ấy. Bọn cách mệnh bảo nhau: « Ta phải xếp đặt ra một Trung-Quốc mới ». Nhưng từ cuộc cách-mệnh ấy đến nay, thấm-thoắt đã 22, 23 năm trời, Trung-Quốc mới đã tổ-chức xong một cách hoàn-hảo chưa? Đã hay ở thế-gian không có sự gì là thật hoàn-toàn, dã hay hai-mươi mấy năm trời đối với một cái lịch-sử mấy nghìn năm, chưa lấy gì làm nhiều. Nhưng một cuộc tổ-chức, cái kết-quả dù chưa được hoàn-toàn, cũng phải có đôi phần tốt đẹp, cuộc tổ-chức ấy mới khỏi mang tiếng là không có căn-bản, mà hai-mươi mấy năm trời, dẫu chưa là lâu dài cho mấy, song cũng là một phần chia tư của một thế-kỷ, ở thế-giới này, một ngày cũng đáng kể, nữa chi là một năm, là mươi năm hay hai mươi năm!

Ngoài hai-mươi năm vận-động, Trung-quốc tới nay cũng vẫn còn bối-rối, đó chẳng phải là tại nước Trung-hoa chẳng có nhân-tài. Trong phái dân-chủ cách mệnh thiếu gì những tay thao lược kinh-luân; thiếu gì những người chân-chính ái-quốc, dốc lòng vì cuộc tiến-bộ của giống-nòi; nhưng có lẽ mục-đích tuy chính-đáng nhưng phương-pháp đã sai lầm cho nên kết-quả tới nay đã khiến cho phái cầu-tân cũng thất-vọng. Thất-vọng rồi ngẫm nghĩ lại, hình như đã thấy chỗ sai lầm của mình. Chỗ sai lầm đó, là cải-cách mà không chịu tham bác mới với cũ, mà tưởng rằng có thể quên cả lịch-sử của nước mình, bỏ được hết phong-tục của nước mình. Chỗ sai lầm đó, là cải-cách mà tưởng rằng chỉ dùng oai-quyền bó-buộc cả một dân-tộc phải theo những kỷ-cương mới, dù dân-tộc ấy mấy nghìn mấy trăm năm về trước, vẫn quen những nền-nếp lề-lối khác, dù rằng cái dấu tích của lề-lối cũ ấy theo cái luật tổ truyền (hérédité) vẫn còn in sâu trong tâm não của dân.

Cuộc đạo-đức « vận-động », hay là theo các báo tây ở Trung-hoa gọi là cuộc vận-động cho một cuộc đời mới « mouvement en faveur d'une vie nouvelle, mouvement de la vie nouvelle » do sự tỉnh-ngộ chỗ sai-lầm ấy mà sinh ra, và bành-trướng đi, tới nay thế-lực lan ra khắp nước tầu, đã nghiễm-nhiên như một quốc-gia « tôn-giáo » mới của người Trung-quốc. Nay tôi xin nói cuộc vận-động theo « đời-mới » ấy.

Gốc cuộc vận-động ở Nam-Sương người khởi-sướng ra là Tưởng-giới-Thạch, hiện thống-soái quốc-quân của Trung-quốc, và là một nhà thủ-lĩnh có thanh-thế trong quốc-dân đảng

(1) Diễn-thuyết tại hội Trí-tri Hà-nội ngày 28 Juin 1934, xem Nam-Phong số 199 ngày 1er Juillet 1934.

« Kuomintang » là đảng hiện cầm quyền cai-trị nước Trung-hoa. Mục-đích cuộc đạo-đức vận-động là chấn-hưng phong-tục nước Tầu, cải-cách những tục quá ư tự-do, thực-hành các đức tốt, sự cải-cách và sự thực-hành đạo-đức ấy, người Tầu xét ra là rất cần, trong cuộc nội-trị cũng như việc ngoại-giao thống-nhất được sơn-hà, hòa-bình được thiên-hạ cũng nhờ vào đó. Thế cho nên phong-trào cuộc đời mới, lại hóa ra một phong-trào chấn-hưng phong-tục, bảo-tồn đạo-đức. Người Tầu hi-vọng vào phong-trào này, mong nó sẽ không có riêng cái kết-quả làm thay đổi cách sinh-hoạt của người Tầu, đó chỉ là phương-diện xã-hội của cuộc vận-động này, nhưng ngoài phương-diện xã-hội ra, phong-trào ấy còn có phương-diện quốc-gia và phương-diện quốc-tế nữa.

Muốn hiểu rõ cái phong-trào này, trước hết ta cần phải nhắc lại rằng số nhiều người Trung-hoa sinh-hoạt trong một cảnh rất bần-hàn, khi nói đến « phong-tục chấn-chỉnh » là nói về phong-tục những kẻ giầu có và ăn không ngồi rồi ở nơi thành-thị mà thôi.

Hai nữa, ta cũng nên nhắc lại rằng dân Trung-hoa ở Thành-thị và ở thôn-quê cuộc sinh-hoạt phân-biệt hẳn. Những việc mới-mẻ nhố-nhăng cũng là riêng thấy ở thành-thị mà thôi.

Còn dân-chúng ở thôn-quê thì xét ra thật vẫn còn mến trọng những phong-tục, lề-lối nghìn xưa, hay còn yêu thích cái sống trong kỷ-cương khuôn mẫu gia-đình và theo những lễ-nghi xã-hội cũ, vì những kỷ-cương và nghi-lễ ấy không phải là không có vẻ đáng yêu-kính, và riêng đối với văn-minh Trung-hoa thì nó vẫn là cái đặc-sắc của áng văn-minh này. Dân Trung-hoa vẫn còn thâm-nhiễm giáo-hóa cũ. Đối với tân-trào, cái quan-niệm của họ ra sao ? Phản-đối chăng? Tán-dương chăng ? Bảo rằng phản-đối là sai, mà bảo rằng tán-dương cũng không đúng, dân Trung-hoa kỷ thực đối với phong-trào mới u-u minh-minh có hiểu là gì đâu mà biết, là đáng chê, đáng yêu hay là đáng ghét, đáng noi theo hay là đáng lánh xa.

Dân này chỉ biết có một điều bấy nay họ vẫn sống theo học-thuyết và luân-lý của Khổng, Mạnh, mà học-thuyết và luân-lý ấy vẫn cho họ được một cuộc đời bình-yên. Bảo rằng học-thuyết và luân-lý ấy đã làm cho họ sống ra ngoài vòng tiến-hóa chung của thế-giới, thì họ cũng vẫn hàm-hồ, vì kỷ thực nếu không có những bọn tân nhân-vật truyền-bá tư-tưởng mới và ra công cải-tạo các nền-nếp cũ của cuộc đời theo chính-thể « phu hệ » ấy, thì họ cũng chẳng hiểu thế nào là cuộc tiến-hóa chung của thế-giới.

Phái tân-học muốn cho nước Tầu thành ra một nước có cái văn-minh mới, nhưng gặp hai cái trở-lực lớn, một là mặt đất nước Trung-hoa quá rộng mà đường giao-thông thì còn hiếm, hai là quyền cai-trị và chính-trị, thu gồm vào một vài cơ-quan trung-ương, dù sự thu gồm ấy ở trong vòng lý-thuyết, hơn là ở trong vòng sự thực.

Như tôi đã nói từ ngày Trung-hoa đổi làm dân-quốc, bọn chính-khách tưởng nhầm rằng con đường đi từ cũ tới mới, một bước đi từ văn-hóa Đông-á đến văn-hóa mới Tây-âu là một việc chỉ muốn làm là đủ làm xong. Hai-mươi mấy năm trời nước Tầu bối-rối cũng vì cái nhầm ấy, cái nhầm làm cho những kẻ đưa đường chỉ lối cho dân chẳng cùng nói một thứ tiếng với dân,

nghĩa là chẳng hiểu dân và chẳng làm cho dân hiểu mình.

Mới đây, cũng vì một sự tình cờ mà Tưởng-giới Thạch nhận ra rằng những phương-pháp cũ đem ra thực-hành để đối-phó với hiện-tượng mới, nhiều khi lại có kết-quả hay hơn là những phương-pháp mới.

Suy từ việc nhỏ đến việc nhớn, họ Tưởng mới dần dần có cái tư-tưởng « vận-động tân sinh-hoạt » và « bảo-tồn phong-hóa ». Cái phong-trào mở-mang một cuộc đời mới, không phải bỗng nhiên mà nẩy ra, chính là căn-bản ở sự thực và ở cái óc hay xét của họ Tưởng.

Nguyên hồi đầu năm, trong khi chinh-phạt quân cộng-sản ở mạn Hồ-bắc đã chiếm-cứ nhiều phủ, huyện, Tưởng-giới-Thạch phải hạ lệnh cấm xuất-nhập hàng-hóa, dinh hẳn sự giao-dịch kinh-tế, xét ra rằng dân ở các quận huyện không có thể đủ trông cậy vào những binh lính của chính-phủ Trung-ương, hay của hàng tỉnh, bảo-hộ cho họ; Tưởng liền bàn với Trung-ương Chính-phủ dùng một chính-sách trị-an mà xưa kia nhà Mãn-thanh quen dùng, đó là chính-sách « bảo-gia ».

Thế nào là bảo-gia? Bảo-gia là giao sự canh giữ và sự trị-an trong một địa-giới cho dân địa-giới ấy tự cam-đoan với Chính-phủ phải chu-toàn. Những kỳ-lý trong một làng đứng lên cam-đoan và chịu trách-nhiệm với mình. Các trưởng-tộc trong mỗi làng vẫn là những người am-hiểu hơn hết thảy cái tình-hình từng người trong họ mình. Đó là một điều tối-cần để giữ cuộc trị-an trong một nước mà xưa nay không có sổ sinh-tử giá-thú theo lối Thái-Tây, cũng không có biên kê tên tuổi dân đinh như bên Thái-Tây. Vậy phải lấy trách-nhiệm của trưởng-tộc để trưởng-tộc trình với kỳ-lý, lấy trách-nhiệm kỳ-lý với quan trên, những kẻ nào tình nghi, hay những sự gì có thể rối cuộc trị-an.

Khi dân-quê thấy cái trách-nhiệm đến mình phải gánh như vậy thì khắp trong những vùng mà thiết-lập ra chính-sách bảo-gia, ai là người tráng-kiện cầm nổi khí-giới, cũng đứng lên lập thành hội để chống lại với những quân giặc cướp hay bọn cộng-sản.

Cái chính sách đó kể ra cũng hơi cổ quá, mà có thực-hành được cũng chỉ tạm thời. Song khi Tưởng-giới-Thạch đem nó ra dùng ở miền Giang-Tây, đã thấy có kết-quả hay trong việc bài-cộng. Phàm những nơi nào mà nhân-dân chưa có chút học-thức phổ-thông mới, và chưa hiểu cái nghĩa-vụ làm dân trong dân-quốc thì đem những cách cai-trị mới ra mà ban-bố cho họ, họ lại không ưa bằng những cách cai-trị cũ.

Tưởng-giới-Thạch hiểu rằng tâm-lý dân ở những tỉnh miền Giang-tây hãy còn thủ-cựu nhiều cho nên một mặt lại luôn luôn diễn-thuyết và phát cho công-chúng những bài hịch đã làm cho quốc-dân Trung-hoa phải chú-ý. Tưởng cổ-động dân phải thực-hành đạo-đức; và riêng đối với những người có quan-chức dù văn, dù võ, Tưởng lại càng khẩn-khoản khuyên-răn phải làm gương làm mẫu cho dân.

Cứ theo như báo « Quốc-dân diễn-đàn » ở Thượng-hải, thì cái chủ-ý của Tưởng lúc mới đầu cũng chưa nghĩ đến một cuộc vận-động trong toàn-quốc, diễn-thuyết và cổ-động trong một vùng là mới thử làm thí-nghiệm để tùy theo cái kết-quả của cái cuộc thí-nghiệm ấy, sẽ liệu xem có nên hay

không nên đem cuộc vận-động này ra khắp Trung-quốc.

Lần thứ nhất Tưởng-giới-Thạch nói đến cuộc vận-động cuộc đời mới đăng-đàn ở Nam-xương, Tưởng diễn-thuyết về cái hay cái đẹp của một cuộc đời giản dị và một tâm-trí nhất nhất theo về đạo-đức. Tưởng nói : « Nếu dân Tầu muốn tái-tạo sơn-hà, thì trước hết mỗi cá-nhân phải chú-ý đến cái thân mình, cái đời mình. Phần nhiều người Trung-hoa sinh-hoạt một cách không có ích mà lại có hại cho thân-thể và cho tâm-trí ». Đã nhiều lần trước, Tưởng cũng đã nói về cách ăn ở hành-động của nhiều người Tầu làm nhục đến quốc-thể ; Tưởng trách những kẻ bẩn-thỉu lười biếng, nhân-tuần, những người ra đường mặc áo sốc-sếch cài khuy không nên thân, hay có khi lại không cài khuy nữa, đều là những người không tự trọng mà không trọng cái nước của mình.

Tưởng nói : « Những người ngay đối với thân mình, đối với chỗ nhà của mình ở để bẩn thỉu lộn-xộn mà cũng chịu được, những người đó nói về sức lực của họ hay nói về tâm-lực của họ ta quyết rằng họ chẳng sứng đáng được có 1 phần trong việc tái-tạo quốc-gia. Điều ấy không còn chi mà ngờ nữa. Vì ai nấy có biết thực-hành những điều rất tầm-thường trong việc tu-thân và tề-gia rồi nước Trung-hoa mới có đủ sức-lực để gắng làm cho giang-sơn Trung-hoa được tái-tạo. »

Sau khi diễn-thuyết ở Nam-xương một mặt Tưởng Giới-Thạch dò xét cảm-tưởng dân đối với bài diễn-thuyết của mình ra sao, một mặt thư cho Uông Tinh-Vệ (*Wang-tching-Wei*) nói rõ cái kết-quả cuộc thí-nghiệm ấy và bàn với Uông nếu kết-quả ấy hay thì chính-phủ nên cho cái phong-trào đạo đ[illegible] vận-động này lan ra khắp toàn-quố[illegible] Trong thư Tưởng kể cái chương-trì[illegible] cuộc vận-động này và xin chính-phủ Nam-kinh xét kỹ để đem chương-trình ấy sát-nhập vào một bản thông-cáo quốc-dân.

Không ngờ trong khi Tưởng [illegible] Uông còn đang dò-xét dân-tình, trong khi chính-phủ Nam-kinh còn đang d[illegible] dự thì quốc-dân đã cực hoan-nghênh cái ý-kiến chấn-hưng đạo-đức của Tưởng ; hết hội-đồng này đến hội-nghị họp ở khắp nơi, bao nhiêu người đứng lên dục dân Tàu tán-dương cuộc vận-động của Tưởng mà nhân-dân cũng đồng thanh hưởng ứng.

Chính-phủ chỉ còn một việc là tán thành cái phong-trào mới đã tự phát hiện trong dân gian. Ở Nam-kinh liền họp một cuộc đại hội-nghị có quan Tổng-trưởng viện hành-chính. « *Président du Yuan exécutif* » nhiều vị thượng thư và nhiều vị quan to, công nhiên tán-dương ý-kiến của Tưởng Giới-Thạch khuyên nhân-dân theo và thực-hành những ý-kiến ấy.

Thưa các ngài, tôi xin lỗi các ngài câu truyện đến đây đã là dài mà vẫn nói chuyện Tàu, mà tôi nào đã đi sang đến Tàu mà nói. Xin các ngài rộng cho tôi một chút, vì tôi nói chuyện Tàu mà tức là đã nói đến xã-hội ta đó, các ngài hẳn đã so sánh rồi. Còn như sự lịch-lãm của tôi tuy chưa có cuộc du-lịch Trung-quốc thật, song tôi đã so-sánh nhiều báo mà tóm tắt lại, không phải theo riêng một tờ báo nào, vì tôi cũng biết một tờ báo thì có khi quá thiên về một đảng nọ phái kia, nên người đọc báo dễ bị lầm.

Nay xin nói qua về nước Nhật, tôi nhắc lại một điều mà chắc các ngài đều

đã rõ ; nước Nhật là một nước tiến-bộ được theo kịp người Âu-tây rất mau chóng mau chóng được như vậy chính là nhờ vào cái tinh-thần anh-hùng của lịch-sử truyền lại đến đời nay. Vì thế, người Nhật, trong cuộc đời mới không bỏ nền-nếp xưa, mà chính lại giữ tinh-thần cũ, chỉ có bên hình-thức là đổi cho thích-hợp với cuộc tiến-hóa của thế-giới. Dân nước Nhật có cái tinh-thần nghĩa-hiệp, có cái đạo cũng gần giống như đạo « lễ nghĩa liêm sỉ » của người Tàu bây giờ, mà còn cao-thượng hơn, cái đạo ấy tức là võ-sĩ đạo (*bushido*). Đây tôi xin thuật lại lời một người Nhật-bản trứ danh, giáo-sư INAZO NITOBÉ, giảng-giải cho ta hiểu cái *cuộc đời mới* của người Nhật ;

« Trong cuộc Nga Nhật chiến-tranh năm 1905, nước Nhật thắng trận không phải bởi vì những món nhập-cảng của Âu-tây chính là nhờ vào cái tinh-thần anh-hùng thượng-võ mà lịch-sử nước Nhật, và những võ-sĩ Nhật thủa xưa, đã lưu-truyền lại.

« *Võ-sĩ đạo* đã xô đẩy cả toàn-quốc cũng như từng cá-nhân đi vào con đường oanh-liệt, cái sức mạnh vô-hình đó, không ai là không theo, không cần phải viết thành sách, tóm-tắt thành lời giậy, lời răn, võ-sĩ-đạo ngày nay cũng như xưa kia, vẫn kích-thích linh-hồn người Nhật, làm phấn-khởi dân tâm dân trí : võ-sĩ-đạo là cái sức mạnh chi-phối tất cả nước Nhật-bản. Một nhà văn-sĩ ngoại-quốc nói rằng : « Hiện nay, có ba nước Nhật, cũng sống trong một thời-gian và một khu-vực : một là Nhật-bản cũ vẫn chưa tàn ; hai là nước Nhật mới, ba là nước Nhật nửa cũ nửa mới, hiện nay đang qua một cái thời-kỳ khó khăn. » Có lẽ xét các việc mắt trông thấy, các sự cải-cách trong nước Nhật mấy mươi năm nay, thì lời nói ấy cũng không phải là sai ; nhưng nếu xét đến cái tinh-thần của quốc-dân, tâm-lý của quốc-dân Nhật, thì lời nói ấy cần phải sửa lại mới đúng. Nước Nhật từ cổ đã sáng-tạo ra cái võ-sĩ-đạo, trái lại được cái võ-sĩ-đạo ấy nó tái-tạo cho ; võ-sĩ-đạo đối với nước Nhật mới và nước Nhật « nửa mới nửa cũ » buổi bây giờ, vẫn là cái đạo làm cho nước Nhật được mạnh, dân Nhật có kiên-tâm mà ra sức bước vào một kỷ-nguyên mới.

« Bây giờ, ta thử xét tâm tính của một người Nhật nào thật là tân-tiến, có những tư-tưởng quá khích chăng nữa, cạo cái « vỏ » ngoài, ta thấy cái bản-tính bản-tâm vẫn là *võ-sĩ-đạo*. Võ-sĩ-đạo là cái đạo thiêng-liêng, trọng danh-dự, gây nên tính cách anh-hùng, uốn-nặn con người cho có nết tốt của một trang hiệp-sĩ, đối với người Nhật hiện-tại, đạo ấy phải coi như một kho báu không được phép để mất tí nào, trước được ông cha để lại cho thì sau sẽ phải lưu lại cho hậu thế, và chính những hiện-tượng buổi đời mới cũng rục cho người Nhật giữ gìn lấy cái gia tài quí báu ấy, đừng làm xuy-xuyễn một ly nào ; những hiện-tượng cuộc đời tương-lai cũng sẽ rục cho người Nhật cứ giữ đạo xưa, mà chỉ làm cho cái phạm-vi của nó rộng thêm ra để đắc-dụng với nhiều phương-diện hơn, thích hợp với hết thảy các trạng thái cuộc sinh-hoạt của doanh-hoàn. »

Một nước mà mới và cũ dung-hòa với nhau được một cách hoàn toàn như thế, có lẽ khắp hoàn-cầu họa có một. May thay cho nước Nhật ! Khen thay cho người Nhật !

Cái thí dụ đó lấy ở trong các nước châu Á. Tôi tưởng lấy thêm một thí-

dụ nữa bên châu Âu nữa, có lẽ không phải là thừa, xin nói qua đến nước Ý, và phong-trào « phát-xít » ở nước Ý.

Cái đầu đề ấy thật là rộng rãi mà thì giờ ngắn-ngủi, tôi xin dẫn một câu này của nhà văn Ý, ông PREZZOLINI. « Chủ-nghĩa « phát-xít » muốn phân-« biệt tôn-ti, giữ trật-tự theo gót tục « truyền của người trước, giữ vững sự « kính trọng các nhà cầm quyền. Chủ-« nghĩa phát-xít ưa-nhắc lại cái lịch-« sử La-mã đời xưa và thời-kỳ cổ-điển. « Chủ-nghĩa phát-xít muốn theo mãi « những đường lối mà vĩ-nhân Ý-đại-« lợi đã vẽ ra từ xưa, bảo-tồn những « nền-nếp của nước Ý đã có sẵn, và « bảo-tồn cả tôn-giáo Gia-tô cơ-đốc ».

IV

Cảm-tưởng và hi-vọng của chúng tôi

« Trông người lại ngẫm đến ta». Nay tôi còn vài lời vắn-tắt, về cái hi-vọng và cảm-tưởng của chúng tôi, tôi xin cảm ơn các ngài đã chiếu cố nghe mãi câu chuyện tới đây đã hơi dài và tha thứ cho tôi xin nói một vài lời nữa.

Trong mấy năm gần đây tôi viết trong mấy tờ báo tây ở Hà-nội nhiều bài nói về một cái ý riêng của tôi. Tôi xét ra hình như những vấn-đề quan-trọng ở xã-hội ta, chưa phải là vấn-đề chính-trị mà là vấn-đề xã-hội. Nước ta ở dưới quyền bảo-hộ của nước Pháp, sự vận-động về chính-trị của ta có kết-quả hay không có kết-quả còn tùy ở chính-phủ Pháp. Nhưng chính những phong-tục của ta, những lễ-nghi của ta, có cái gì là hủ-bại, cái gì là phiền-phức, thì tự ta sửa đổi đi, không chính-phủ nào ngăn-cấm ta được. Tự ta mà biết sửa-đổi cái hoàn-cảnh xã-hội của ta như vậy, ấy tức là ta cho những bọn thanh-niên được hưởng một cái không khí dễ thở hơn, và có nhiều sức mạnh hơn để mà rèn luyện nên những bậc phi-thường, sẽ có ích cho dân cho nước. Ấy tức là ta gây cuộc đời mới cho ta.

Ý riêng của tôi nghĩ như thế, và trong mấy năm nay vẫn cố truyền-bá cái tư-tưởng ấy, cho nên đối với những việc rất có ý-nghĩa đã xảy ra trong Triều-đình Huế từ khi đức thiếu-niên Kim-thượng hồi-loan lâm-chính, tôi vẫn có một mối hi-vọng lớn. Vì những việc như việc hạ-lệnh bỏ lạy, giảm bớt sự dùng đồ vàng mã, v. v., chính là những việc cải-cách về phương-diện xã-hội; mới đây lễ đại-hôn của đức Kim-thượng có lẽ cũng là một cái gương sáng sẽ có ảnh-hưởng về cuộc hôn-thú trong xã-hội ngày nay.

Triều-đình Huế hiện nay có một vị thanh-niên hoàng-đế đứng đầu, lại được Nam-Phương hoàng-hậu làm tiêu-biểu cho bạn phụ-nữ mới, vậy việc chấn-hưng phong-tục, xếp đặt lại xã-hội mới, nếu được chính-phủ Nam-triều khởi xướng lên, cũng như bên Tàu Tưởng Giới-Thạch đã khởi-xướng lên phong-trào cuộc đời mới của người Tàu, thì cái kết quả hẳn không ai « còn điều chi mà ngờ nữa ».

Thưa các ngài, tôi cũng không dám giấu-diếm các ngài điều ấy, cũng cái cuộc đi Huế mới đây của tôi mà đã khiến cho tôi phải lỗi hẹn với các ngài thứ năm trước, đã khiến cho tôi càng tin vào cái thiên-chức lớn-lao của Triều-đình Huế trong cuộc mở-mang cái đời mới cho ta. Tôi vô Kinh không phải riêng để điều-tra về việc ấy, nhưng vì vô Kinh mà nhân thể đã điều-tra có kết-quả. Huế đối với tôi bấy nay vẫn chỉ là một nơi chứa-chan

hồn thơ, chứa-chan sắc đẹp và ái-tình, nhưng không có vẻ hoạt-động. Nhưng Huế ngày nay thật có vẻ khác Huế ngày xưa. Cái diện Kiến-trung bề ngoài vẫn lối kiến-trúc cổ xưa, mà bên trong xếp đặt trang-hoàng hoàn-toàn theo lối tối-tân ở Âu-Tây, đối với con mắt thanh-niên, thật là một cái tiêu-biểu vậy. Cuộc đời mới, nếu chính ở tay vị anh-quân dùng những lời bịch, lời dụ, — dạy dân. cũng như bên Gia-tô, đức Giáo-hoàng dùng những *Encyclique* (sắc tòa Thánh) dạy luân-lý — thì sửa đổi xã-hội cũ cho có vẻ mới, có lẽ là một việc không khó, mà sự tiến-bộ như thế sẽ rất êm-ái về đủ mọi phương-diện và đối với khắp các phái trong nước.

Đó là hi-vọng của chúng tôi. Cái hi-vọng đó dễ thường đối với nhiều người khác cũng có thể như đối với chúng tôi, đủ làm khuây những nỗi thắc-mắc trong lúc mới chưa tới, cũ chưa tan, xã-hội nhiều lúc có vẻ hỗn-độn làm buồn người quan-sát.

Thưa các bà, thưa các cô, thưa các ngài,

Tôi xin phép các ngài cùng chung với tôi trong một sự tín-ngưỡng vào cái tương-lai rực-rỡ của cuộc đời mới. Tôi còn nhớ lại một lần nữa tôi đi Huế, tự năm ngoái, vào kinh xem lễ Nam-giao.

Sau cái đêm Nam-giao, vào hồi năm giờ sáng, lễ tế đã cử-hành xong. Hoàng-Thượng đã ngự về trai-cung, đợi đến sáng rõ mới rước Ngài về Nội. Con đường Nam-giao vắng ngắt dưới hai dặng cây cổ-thụ, từng quãng có những hương án của kỳ-lão các làng bầy ra để bái-vọng khi Hoàng-Thượng sẽ ngự qua.

Cái đêm trước rực-rỡ trăng sao, cái đêm trăng sáng như gương, sao nở như hoa, đến bấy giờ đã gần hết. Buổi bình-minh sắp tới, nhưng cái quang-cảnh lúc ấy đầy vẻ u-ám, vẻ buồn-bã, khiến người cảng tiếc cái tối hôm qua mà thôi! Rồi cách lúc đó hơn một giờ đồng-hồ nữa, lúc ấy là lúc tôi sắp từ-giã kinh-thành trở về đất Bắc, xe hơi vừa qua cầu Trường-tiền thì vừng thái-dương mới mọc gieo ánh sáng tươi đẹp dịu-dàng xuống giải sông Hương và những các đình-tạ lâu-đài, phố-phường thành-quách; một đôi bóng hồng thấp-thoáng, ánh sáng kia tô-điểm, nét hoa càng lắm yêu-kiều, mùi khăn mùi áo nồng-nàn, tôi mới sực nghĩ rằng: mỗi một ngày mới, trước khi thắng được cái đêm tối, phải qua một thời-khắc bình-minh lạnh-lẽo âu-sầu, nhưng trong cái lúc *mới* còn chưa hẳn tiến đến, *cũ* còn chưa hẳn lui đi, những ai kẻ đợi người chờ, phải giữ vững cái đức tin, thì có lẽ chẳng mấy lúc sẽ quả-nhiên được thấy vẻ mặt rực-rỡ của cuộc đời mới, không khác nào mặt trời mới mọc đến tô-điểm cho non sông nữ.

NGUYỄN-TIẾN-LÃNG

Truyện ngắn

SAO CỨNG BÀY ĐỒ NGHI-VỆ ?

LÊ ĐỨC-NHƯỢM

■

Anh xã Liếng vừa cắp ô đi ra khỏi cổng thì gặp ngay một chị ăn mày ở đâu lù-lù đi lại. Anh lầm-bầm : « gặp gái ». Xưa nay anh vẫn tin rằng đi đâu mà ra ngõ gặp gái thì cầu việc gì cũng chẳng xong, đến như ăn cỗ mà ra ngõ gặp gái cũng hay rắc-rối nữa là đi lên tỉnh bán đợ ruộng.

Anh có năm sào ruộng hương-hỏa tốt, xưa nay vợ chồng nhà anh chỉ nhờ vào đấy mà đủ ăn. Trước kia những người giàu, có ruộng gần đấy, bảo anh bán lại cho, đắt gấp mấy cũng mua, nhưng bấy giờ anh không túng nên không muốn bán. Nhưng chẳng may vài năm nay thóc hạ, cày cấy không đủ ăn, vả anh lại sắp đến lần phải làm tế-đám, nên mới phải đem bán đợ đi. Anh đã dạm bán cho khắp những nhà giàu ở trong làng nhưng chẳng ai muốn mua cả. Có người bảo anh lên tỉnh bán đợ cho ông Hàn Lô, vì ông ta có đồn-điền ở bên làng anh, mà thửa ruộng của anh lại ở giáp ngay với đồn-điền của ông ta. Anh không quen biết ông Hàn Lô và cũng không biết nhà ông ta ở phố nào, phải đến nói với lý-trưởng làng anh để giới-thiệu bán hộ. Nhân tiện ông lý hôm trước phải lên tỉnh giản linh, có dặn anh để ông ấy lên nói trước với ông Hàn cho, sáng hôm sau anh cứ lên tỉnh hỏi thăm đến phố H, tìm đến một cái nhà kiểu tây, ngoài có hàng rào sắt, viết văn-tự trước đi, rồi đến trưa ông lý sẽ đem triện vào thị-thực cho.

Y lời hẹn, sáng hôm ấy anh cắp ô đi lên tỉnh, chẳng may vừa ra ngõ đã gặp gái. Sợ không bán đợ được ruộng, anh toan quay về để hôm khác sẽ đi, nhưng lại sợ làm lỡ ông lý thì lần sau không nhờ được ông ấy nữa. Nghĩ vậy, rồi anh đứng quay lại chờ cho chị ăn mày đi khỏi rồi mới đi. Anh biết đi cũng chỉ mất công toi thôi, vì đã gặp gái thì không hi-vọng gì, nên trông người anh có vẻ buồn-rầu.

Lên đến tỉnh, anh hỏi thăm đến phố H., tìm đến một cái nhà gạch hai từng, làm theo lối mới, trước cửa có hàng rào sắt trông rất uy-nghi. Anh đứng ngắm cái nhà ấy và ngóng xem có ai ở trong nhà ra để hỏi cẩn-thận rồi mới dám vào, vì anh không dám chắc rằng đấy có phải là nhà ông Hàn Lô không, hay lại hỏi lầm vào sở cầm thì chết. Nhưng đợi mãi cũng chẳng thấy ai ra, anh chực hỏi thăm những người đi đường, nhưng cứ như lời ông lý dặn thì ở tỉnh mà hỏi thăm nhà là một việc rất khó, nên anh cứ phải đứng đợi mãi. Sau thấy một người đàn bà ở trong cái ngõ hẻm gần đấy đi ra, anh chắc rằng người ấy ở xóm này thì hẳn biết nhà ông Hàn Lô, liền hỏi :

— Thưa bà, bà làm ơn bảo cho, đây có phải là nhà ông Hàn Lô không ạ ?

Người đàn bà ấy nhìn anh rồi vừa tủm-tỉm vừa nói :

— Không phải là nhà Hàn Lô đâu, đấy là nhà Hàn Bễ đấy.

Nghe người đàn bà ấy nói, xã Liếng có vẻ thất-vọng. Người đàn bà nhìn anh rồi phì cười nói :

— Tôi nói đùa bác đấy. Phải nhà Hàn Lô đấy. Bác cứ vào.

Người đàn bà ấy sở-dĩ nói đùa anh xã Liếng như thế là vì ngày trước ông Hàn này làm nghề kéo bễ cho thợ rèn, lại tên là Lô, nên bây giờ người ở tỉnh thường gọi đùa là Hàn-Bễ.

Xã Liếng bán-tín bán-nghi, chưa dám vào ngay, hỏi lại người đàn bà ấy rằng :

— Thưa bà, có thật không ? hay bà lại nói dối tôi thì khốn.

— Tôi không nói dối bác đâu, Lô với Bễ cũng là tên anh ta cả đấy.

Bấy giờ xã Liếng mới nghĩ ra và tin người đàn bà ấy nói là thật, liền đi vào. Qua cái cổng có hai cánh bằng chấn-song sắt, anh rón-rén đi vào hiên. Vừa bước chân lên bậc hè, anh dừng lại đằng-hắng mấy tiếng, chẳng thấy người trong nhà nói gì, liền mở cái mành xanh nhìn vào, thấy ở hiên, hai bên chỗ cửa đi vào để hai cái giá gỗ cắm bộ đồ bát-bửu, đủ long-câu, búa nguyệt sáng nhoáng. Anh giật mình, rụt tay lại, vội-vàng bước xuống sân, rồi thoăn-thoắt đi ra, vừa đi vừa lầm-bầm : « Chết ! nhà bà khi-giới ấy đánh lừa mình thật ! đây là đền từ gì chứ nhà ông hàn thì sao lại có bày đồ « nghi-vệ Thiên-tử » như thế này ! »

Anh ra cổng đứng ngơ-ngác nhìn quanh, chưa biết tính thế nào thì chợt thấy một ông cụ ăn mặc chững-chạc và trông người có vẻ đạo-mạo đi qua. Anh nghĩ ngay rằng hỏi ông cụ này thì chắc biết. Rồi anh hỏi :

— Thưa cụ, nhà ông Hàn Lô ở đâu đây ? nhờ cụ bảo cho.

Ông cụ chỉ tay vào cái nhà ấy, nói :

— Đấy ! nhà đây !

Anh xã cũng chỉ tay vào cái nhà ấy, hỏi :

Bẩm cụ, chính cái nhà này ?

Ông cụ gật đầu, nói :

— Phải, chính đấy.

— Bẩm cụ, tên người ở nhà ông Hàn là gì ?

Ông cụ lắc đầu nói « không biết » rồi đi thẳng.

Xã Liếng không dám vào ngay, cứ đi đi lại lại ở ngoài bờ rào và gié mắt nhìn vào trong nhà xem có thấy ai thì gọi, nhưng mãi cũng chẳng thấy ai cả. Đợi lâu quá sốt ruột, anh liền đi vào, bước lên thềm, vén mành rón-rén đi vào hiên. Trông trước trông sau chẳng thấy ai, anh liền vén bức màn thưa nhìn vào trong nhà, thấy trang-hoàng như một cái đền thật. Trên bức tường giữa, chỗ xát trần treo một cái cuốn-thư thếp vàng lóng-lánh, dưới kê một cái tủ văn-tiên bằng gỗ gụ khảm, giữa mặt tủ để một cái khung ảnh trạm và thếp vàng trong lồng một bức ảnh truyền-thần vận mũ áo chầu, ngoài để một cái hòm sắc sơn son vẽ vàng. Hai bên cái khung ảnh để hai cái lọ cổ và một đôi đèn đồng. Hai bên đầu tủ, hai cái lọng xanh cắm vào hai khúc gỗ lim bào nhẵn thin.

Giữa nhà, một bộ ghế gụ to mà thấp để xung quanh một cái kỷ đội một cái mâm thau chạm thủng mà to bằng cái nón.

Trên hai cái ghế cao rất xinh sắn để hai bên tường có hai ông tượng đồng đen, to bằng đứa trẻ lên ba.

Ngay chỗ cửa bước vào, trên cái ghế gụ vuông để một cái đỉnh đồng to bằng cái thúng.

Ngắm những đồ đạc trong cái phòng ấy, xã Liếng đoán ngay là không phải nhà ông Hàn Lô mà là một cái đền thờ.

Khi anh sắp quay gót trở ra thì nghe thấy có tiếng người ở trên gác đi xuống.

Anh đứng lại để chờ hỏi xem thì thấy một người đàn ông to lớn, mặc quần áo lụa trắng đi ra. Người ấy trạc ngót năm mươi tuổi, tóc cúp ngắn, da mặt đen cháy, râu rậm mà đen, hai con mắt trắng rã mà to, trông rõ gớm ghê. Nhìn hình dáng người ấy, xã Liếng có vẻ luống-cuống sợ-hãi, cho là người tây đen gác đền, toan trở ra thì người ấy liền hỏi :

— Hỏi gì, thằng kia?

Xã Liếng cuống-quít, vội nói :

— Thưa chú, tôi hỏi nhà ông Hàn Lô?

Người ấy trợn mắt quát :

— Nhà quê !

Xã Liếng thất-đảm, vội-vàng đi ra, miệng lầm-bầm : « biết ngay mà ! ra ngõ gặp gái là có lắm truyện rắc-rối ! vào nhà ông hàn không vào lại vào ngay đền thờ tây đen ! ấy mới rõ tội ! » Ra đến cổng anh liền đi về phía đồn lính để tìm ông Lý.

Đi được một quãng thì gặp ông lý. Ông lý hỏi :

— Thế nào? đã viết văn-tự chưa?

— Thưa ông, tôi không tìm thấy nhà ông Hàn đâu cả.

Ông lý cau mặt nói :

— Sao bác đần thế? Tôi đã dặn bác nhà ông ấy ở ngay đầu phố này, ngoài có bờ rào sắt, thế mà lại không tìm thấy.

Rồi ông lý lại nói :

— Thôi, đi trở lại với tôi.

Anh Xã quay lại theo ông lý đi.

Đến cổng cái nhà ban nãy, ông lý cứ xồng-sộc đi vào. Anh xã lấy làm lạ, nhưng không nói gì, cứ lẳng lặng theo sau. Trèo lên hiên, ông lý đừng gõ cửa mấy tiếng thì thấy người đàn ông ban nãy đi ra. Ông lý liền chắp tay chào :

— Lạy cụ lớn ạ.

Anh xã cũng chắp tay chào :

— Lạy....

Người ấy hất hàm hỏi anh xã :

— Mày hỏi gì, thằng kia?

Ông Lý mau mồm nói :

— Bẩm cụ lớn, anh này là người làng con, lên bán đợ ruộng hầu cụ lớn đấy ạ.

Người ấy lại hỏi anh xã :

— Có phải ban nãy mày đã vào đây không?

Anh Xã mạnh bạo thưa :

— Bẩm cụ lớn, phải ạ.

Người ấy vui vẻ nói :

— Ừ, thế thì vào cả đây.

Đoạn, người ấy đi vào trước, ông Lý và anh Xã theo sau. Anh Xã sẽ hỏi ông Lý :

— Thưa ông, có phải ông Hàn đấy không?

— Phải, nhưng bác phải gọi là cụ lớn mới được đấy nhé.

— Thế mà ông không dặn tôi trước. Lúc nãy, tôi đã vào đây, gặp ngài tôi cứ tưởng là chú tây đen gác đền. Thế sao nhà ngài cũng bày đồ nghi-vệ Thiên-tử?

Ông Lý sẽ nói.

— Bây giờ đời người ta không lấy những cái ấy làm quí nữa.

— Không quí nữa, sao ông này lại còn dùng?

— Ai biết được.

Vào làm văn-tự và nhận tiền xong, hai người ra về, Xã Liếng cứ lầm-cầm tự nghĩ một mình : « Ừ, mà bộ đồ bát-bửu ấy bây giờ không quí nữa thật, vì đừng bên ông ấy là người có cái nghi-vệ ấy mà ta không thấy có cái gì đáng sở-sợ. Nhưng sao đã không quí, người ta lại còn dùng như thế? Dùng như thế là để tự diễu mình hay là còn thèm mà ướm thử? »

LÊ ĐỨC-NHƯỢNG

LẠI TỚI THẦN-KINH

(*Du-ký*)

I

Lên đường

18 Juin 1934

Nhà ga Hà-nội, một buổi tối thứ hai, một buổi tối có chuyến xe-lửa « tốc-hành » đi Nam-kỳ. Đám đông người có vẻ tấp-nập hơn mọi buổi chiều. Trong đám đông người, bóng hồng qua lại, có người ăn mặc lối Nam-kỳ, có người ăn mặc lối Huế. Từng bọn bạn-bàn thân-thuộc họp nhau mà đứng, đứng cùng nhau mà chẳng muốn rời nhau. Lúc này là lúc tiễn đưa, một lát nữa, — còn được một lát nữa kia — rồi mấy kẻ ở lắc người Nam, kẻ đi người ở.

Ngày hôm nay, tôi sẽ vào số những kẻ đi ; tôi sẽ được là một kẻ lên đường.

Vừa hôm qua hãy còn chưa quyết-định ở hay đi, vào Huế bàn công việc, hay là cứ ở Hà-thành mà trao đổi ý-kiến bằng tờ giấy phong thơ. Công việc mà tôi cần phải bàn đó, chính là tờ tạp-chí *Nam-Phong* này. Nhà sáng lập ra *Nam-Phong*, người mà bấy nay đã làm cho *Nam-Phong* hoạt-động không ai sánh kịp, hiện nay đang ở chốn Thần-kinh, bận với trách-nhiệm nặng-nề việc trào-chính. Được mời tới kế chân ông Thượng-Chi, tôi phân-vân không biết nên vô tới Thần-kinh thăm ông hay là nên viết thơ mà thôi ?

Tỉnh Hà-nội trong tháng này tiết giời oi-ả. Cái đời nhà văn-tự gần đây cũng những công cùng việc, bận-bịu luôn chẳng có lúc nhàn ; bận bịu chẳng qua cũng là tự mình đã muốn cho đời mình lắm việc, để khỏi mang cái tiếng : có người mà đã trốn không chịu ra công làm việc... Tối thứ bảy, cách đây hai hôm, anh Phạm Lê-Bồng đến chơi còn thấy mình nằm soài trên ghế, nhọc mệt đến phát sốt. Tay bắt tay bạn thấy bừng bừng như lửa. Anh Bồng ngại : « Anh yếu thế này mà định đi Huế thật ư ? Đi thế nào được mà đi ? Lại còn phải trở về ngay cho kịp diễn thuyết thì nhọc quá » (Nguyên tôi đã hẹn cùng hội Tri-tri Hà-nội đến tối thứ năm 21 Juin nói truyện về : « Một cuộc đời mới ». Vậy nên định có đi Huế thì cũng chỉ đi tối thứ hai, trưa thứ ba tới nơi, ở lại đến trưa thứ tư lại lên xe-lửa tốc-hành về Bắc, vừa sáng thứ năm tới Hà-nội để tối kịp diễn-thuyết). Anh Bồng ra về. Qua đêm ấy đến sáng hôm sau, ai kia cũng tới thăm mình, mình giậy tiếp cũng vẫn còn nét mặt nhọc mà tiếng nói như buồn như chán. Thế mà sao bây giờ thì đứng ở trước nhà ga thấy trong mình khoan-khoái, sau khi mon hành trang đã đặt trên toa ? — Há chẳng phải vì cái nhọc cái mệt mấy bữa mới rồi, cũng có một phần chỉ tại cuộc đời nhỏ hẹp, cuộc đời bị thu vào trong vòng cái đất « nghìn năm văn-vật », *cùng nhau nào phải vô-tình, Thăng-long ơi hỡi, là mình với ta, lần lần ngày lại tháng qua, biết nhau đến thế đã là buồn chưa* ?... Quen quá cho nên có lúc muốn xa đi để khỏi chán nhau, đó là tâm-sự của ai và đất Hà-thành. Phương-chi đời văn-chương, phải đem cái cảm, cái tình, cái sự từng trải của mình mà làm ra lời văn, thì cuộc đời thỉnh-thoảng cũng phải cần mở rộng cánh cửa ra, cho có một chút không-gian lộng-lẫy nó thêm vào, cho có một vài cảnh núi sông xa lạ nó in vào

với tấm lòng mệt nhọc, thú giang hồ vẫn là phương thuốc hay. « *Rắp toan rong rưổi quan hà* » — theo vần thơ của MALLARMÉ trong bài « hồn theo gió bể » — kỳ thực cũng đã biết : đường vô xứ Huế bao xa, cuộc du-lịch này kể cũng chỉ là mấy bước « chơi mát ». Song chẳng được có những cuộc du-lịch mà mình muốn có, thì hãy phải vui với những cuộc « chơi mát » mà mình có thể có !.. Vả chăng đất Thần-kinh đối với những kẻ mệt nhọc vì nỗi niềm tâm-sự, vốn vẫn là một cảnh chiều người, một cảnh dưỡng người...

Chú Tham Kim, anh Tôn thất Bình, một vài người bạn khác, ra ga tiễn khách bộ-hành, đủ cuộc bộ-hành chỉ xui mình sẽ đi vắng có vài ngày. Tiễn đưa thêm động tấc lòng. Nhưng hẳn các bạn sở-dĩ ấy-náy với kẻ lên đường như vậy, chẳng phải vì sự viễn-du, mà chính là vì kẻ lên đường mới hôm qua hãy còn là người đau yếu, mới hôm qua ai nấy hãy còn khuyên nên ở nhà, cùng xông pha lắm, song bây giờ vẫn cứ ra đi, ra đi vì tính rằng tất phải đi chuyến này thì mới khỏi mất một dịp thấy mặt Thần-kinh ; tháng sau, đã tới ngày vượt đường thiên-lý vào Nam. Có lẽ trước khi vào Nam-kỳ cũng chẳng kịp thu xếp hết những công việc cần phải thu xếp ở Hà-nội, nhưng : *Nam-kỳ cũng biết cho ta, miễn cùng gặp gỡ, ấy là thỏa vui...*

« *En voiture !* » « Quí-khách lên xe ! » tiếng người làm sở Hỏa-xa đã kêu vang khắp. Này, bắt tay, chia tay từ đây : « *Au revoir !* » « Sẽ lại gặp nhau nhá ! » Nhiều người khác tung vẫy mùi xoa, vẫy là vẫy những người thật đi xa, chứ có tiễn đâu mình là kẻ tạm trốn đi được ít bữa. Xe chạy. Bây đã tới chỗ đường xe hỏa chạy qua đầu phố Khâm-thiên, cái thế-giới riêng ở trong thế-giới Hà-nội ! Trong toa xe hỏa hạng ba, tôi được chào một vài bạn quen như anh cử NGUYỄN XIỂN, tác-giả quyển *Mémoires d'Outre-mer* mà anh đang viết lại ngừng không viết, như những học-trò của anh và của tôi nữa những học-trò trường Hồng-Bàng đi nghỉ hè ở chốn cố-hương trong Lục-tỉnh. Nhưng người tôi mới mệt khác, cho nên phải vội đi nằm trong toa xe lửa có giường và phòng ngủ ; mà người An-Nam bước tới toa đó, đã khiến cho mấy bạn đi đường người Tây và cả một cô thiếu-nữ tóc cô xanh, rất mỹ-miều khả-ái, có vẻ ngạc-nhiên...

Đêm tối như mực, xe chạy qua đồng thì chiến ra hai bên đường hai vệt ánh sáng. Ở bên ngoài cái giải ánh-sáng ấy, non nước mịt-mùng, cây cối lùng thôn ẩn-nấp. Người đi đường còn xem phong-cảnh chi được, chỉ còn có một việc là chui vào dưới cái màn trắng ; cái màn ấy điểm trong cái căn-phòng nhỏ tí một nét có vẻ thận mật ; nằm dưới màn rồi muốn an-ủi mình chẳng được ngắm cảnh, thì nhớ lại rằng : những cảnh mà xe chạy qua nay, mình trước kia đã từng được ngắm ; lại phải nhớ những câu ca giản-dị thanh-cao của thi-sĩ Tản-Đà :

« *Đường vô xứ Huế quanh quanh,*
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Yêu em anh cứ anh vô,
Kệ truồng nhà Hồ, mặc phá Tam-giang. »

Câu ca khéo nhắc lại cái thú nào đường đi này còn gian-nan hiểm-trở, đi chân hay đi ngựa cũng hàng tháng mới tới nơi, lại phải qua những « truồng » là rừng rậm có giặc cướp hiểm nghèo, những « phá » là thác nước chảy dữ-dội. Nhưng vào sinh ra tử có quản gì, nếu đi là đi để tìm thấy mặt người yêu ? Ôi, Tản-Đà, Tản-Đà, cái câu ca của thi-sĩ khéo tả về hữu-tình của

con đường đi Huế, khéo vẽ ra cái cảm-tưởng mà trên con đường ấy những ai là người biết yêu cái thú có người để yêu, có cảnh để mến, đều không sao không chứa-chan man-mác...

« *Yêu em anh cứ anh vô* ». Khách-du này thì chẳng có « *em* » nào ở chốn Thần-Kinh chờ đợi khi « *vô* » ! Nhưng có lẽ cũng vì tình mà vô Thần Kinh, chắc hẳn vì tình mà vô Thần Kinh một phen này nữa ! Ôi, Huế ơi, người bạn yêu mềm-mại, đóa hoa trắng trẻo thơm tho của ta ! Huế, đô-thành yêu-kiều như một người giai-nhân, đô-thành mỹ-miều như bông hoa nở (mà cái chữ Huế viết ra bằng chữ nho ở ngay trên mái nhà ga cửa tỉnh lỵ Thừa-thiên chẳng phải là chữ *Hoa* đó ư ?)

Huế, cái tỉnh thật đúng với tên gọi là *Huê*, cái đất khiến cho người phải yêu mê yêu mệt !... Xưa kia được thấy Huế, đó là một điều mong ước cần nhất, quí nhất của khách này. Rồi mong thì được như ý. Cùng em gặp-gỡ, Huế ơi, lần đầu kể tới nay đã được bốn năm trời. Vì em, ta lúc ấy còn là học-trò ban triết-học trường *Albert Sarraut*, bỏ cả học-hành luôn mấy buổi ; một thầy giáo cũ ở bên trường Bảo-hộ ông FOULON, cùng ta làm bạn tìm em. Lễ Nam-giao rộn-rịp tưng-bừng, năm ấy 1930, đức Kim-thượng ở Pháp chưa về, ta thấy cụ Thân-thần râu tóc bạc phơ làm lễ. Rồi được cung-chiêm các tôn-lăng : nhưng con thuyền trên sông Hương thì ta chưa từng được trải, vội đã phải trở về Hà-nội phải trở về với cái xe-đạp đi học ngày hai buổi, với tiếng chuông nhà trường *Albert Sarraut* ! ...

Cùng em gặp gỡ, Huế ơi, lần thứ hai, ta cùng đi với vị Tuần-hiến mà hiện nay lại trở lại thuộc-địa này. Thần kinh điểm nét mưa xuân, ta thăm vườn Tĩnh-tâm, thăm Cung-điện, miếu đền, ta nếm cái phong-cảnh trong thành và những khắc giờ im lặng, cái thú-vị sông Hương cùng với các hương thơm của sông Hương. Nhưng bao nhiêu cái đó, ta cũng chỉ được nếm biết một ly mà thôi, dạ chưa thỏa, đã lại phải xa em, xa em mà trong lòng còn tiếc biết bao nhiêu tình-cảm chưa được hưởng.

Ngày ngày, tháng tháng, năm năm, thấm-thoát một lần thứ ba nữa lại cùng em tương-kiến. Đức Kim-thượng hồi-loan buổi mới, lễ Nam-giao xuân trước lại cử hành. Xa-xôi ta lại tìm về, rồi những cây thông ở Giao-đàn đã từng thấy bóng ta, xuốt ngày rồi lại xuốt đêm, đêm thì trong bọn dự xem lễ, có độc một cái áo « quốc-phục » của ta xen lẫn vào bọn những trào-phục người Pháp.

Thủa nọ, nhà văn-sĩ Pháp JEAN GIRAUDOUX, nhân nói tới cuộc Âu-chiến, có câu rằng : « Hỡi chiến tranh, hãy tha-thứ cho ta, vì ta đã, mỗi khi có gió, hay vuốt-ve em ! » Câu văn ẻo-lả mềm-mại, chỉ có GIRAUDOUX mới có cái giọng ấy... Đối với Huế, có lẽ ta cũng phải bắt chước GIRAUDOUX mà có lời xin giống như lời đó ! Ta đã tặng Huế một phần quí báu nhất của tấm lòng ta, nhưng không bao giờ là tránh khỏi chẳng vuốt ve Huế một đôi chút vuốt ve như một người bạn tình, như một người giai-nhân đáng yêu mà rất yêu, như một người nhu-mì mà đại-lãn, một người nũng nịu du ngủ cho ta như ta đã từng thử ca ngợi trong một vài vần thơ. (1)

Bây giờ, người ta đồn rằng : cô gái lười lĩnh khi xưa đã đổi khác tính nết. Bà Công-chúa ngủ mê ở giữa những đền đài lăng-tẩm (2) từ khi đức Thanh niên Hoàng-đế về nước, thì đã tỉnh-

(1) *Sonnet : Douceur de Huế, par Nguyễn Tiến-Lãng.*
(2) *Lấy sự tích bà Công-chúa ngủ trong rừng của Perrault.*

thức giậy rồi. Sự tỉnh-thức đó, mắt tôi chưa được xem rõ lắm trong cuộc tương-kiến lần thứ ba, ngày Nam-giao 1933. Bây giờ, lại tới Thần-kinh một lần thứ tư này, sẽ tới Thần-kinh do chuyến xe tốc-hành dang vùn-vụt chạy trong đêm rộng trời khuya này, không biết rồi khi tới thì có được xem cái vẻ mặt mới-mẻ của kinh-thành Huế? Dù có dù không, hiện lúc lên đường, bi-vọng tôi là thế, sự ao ước, sự mong đợi của tôi là thế. Một năm một tuổi, tâm-trí cũng theo thời mà phải khác. Có thuở trước, dốc lòng yêu mến những vẻ tình-ái trong phong cảnh, những thú êm-đềm của cảnh của người, mà chỉ biết mến yêu có thế, thì tôi nay lại phải có một thời-kỳ khác, có những sự lo lắng to hơn, những công-việc thích hợp với nam-nhi hơn. *Mong cho non nước càng xuân, một cuộc phục-hưng đem lại cho dân Việt-Nam một tuần thanh-niên mới, mong cho hoàn-cảnh biến-thiên, công-phu càng ngày càng có kết-quả hay cho xã-hội cho quốc-gia.* Cái bi-vọng như vậy, lẽ nào phải dấu-diếm ai? Ấy lên đường để lại tới Thần-kinh phen này, vì việc tạp-chí *Nam-Phong* đã đành, nhưng việc tạp-chí viết thơ cũng đủ; sở-dĩ ra đi cho tới Huế, cũng chỉ vì muốn cho mắt được trông thấy cái đất Thần-kinh trong buổi tân-tiến, thấy cái thành Huế mới, cái đế-đô đã đem trả lại cho cuộc đời hoạt-động, cuộc đời tiến-hóa.

... Xe chạy, trí ngẫm-nghĩ nhưng cái xác-thịt nhọc mệt, xe xóc mãi, rồi cũng phải nằm bẹp xuống đệm giường mà ngủ một giấc đến sáng... Sáng, mở mắt, thấy một nhà ga nhỏ, im lặng; rồi xe lại chạy hồng hộc. Tới Vinh, có toa bán hàng cơm mắc thêm vào chuyến xe, thế là được ngồi ăn điểm tâm, trước cuộc đua chạy rầo-nùng của những núi cùng đồi của những dặng tre giống như những giải cù-lao giữa đồng. Chẳng biết đang đi qua tỉnh nào? Nghệ-an hay Hà-tĩnh? Ngồi buồn, đứng dậy tìm những bạn vừa gặp trên xe tối qua. Nhưng anh cử Xiển đã xuống ga nào rồi. Mãi bảy tám hôm sau, giờ về tới Hà-nội, mới nghe cái câu chuyện kỳ-dị chẳng may cho anh Xiển: đâu xe qua ga Nam-định, Xiển bị mấy chú lính đoan xử vô-lễ, mà khi đối-đáp lại thì họ gọi lính đoan Pháp tới, rồi đối-đãi một cách vũ-phu, lại làm biên bản phạt vì « bất-nhã và bất tuân lệnh của những người thừa-hành việc quan ». Nghe câu chuyện mà khiến cho tôi không thể không nhắc đến độ năm 1931, sau khi đi Nam-kỳ với quan ROBIN trở về, quan Toàn-quyền về đường bộ, tôi đi đường thủy, tới Hải-phòng cũng bị một bác đoan nói « *mày, tao* »! Thiết-tưởng quan trên nên để ý đến những cách hành-động đáng tiếc ấy.

Tìm anh Xiển không gặp, chỉ nghe một tiếng người thiếu-nữ chào, nhận ra là một người học-trò Hồng-Bàng trở về Nam-kỳ nghỉ hè. Trở lại trên toa hạng nhì thì thấy một bà đầm mặc áo ngủ, đi giầy băng-túp (*pantouffe*), một ông Tây mặc áo sơ-mi (*chemise*) và các cô các cậu nằm ngủ cả. Bên ngoài trời nắng trang-trang, khí nóng nặng-nề.

... Nhưng mà thôi, *kể chi những nỗi gọc đường...*

* *

Đã gần tới, đã tới... Này đây những bức tường cũ của thành Huế, đã lộ ra trên những bụi tre chi-chít, những túp lều tranh, những bờ rào xanh tốt; những cây hoa-phượng cánh đỏ rực, rơi xuống đầy đường. Này đây những gái mỹ-miều, dáng đi nhẹ-nhàng nhanh-nhẹn dưới nắng gắt buổi trưa. Này đây, thoáng một phút thấy cái giải nước sông Hương, được âu-yếm bởi

nhiều nhà thi-sĩ. Này đây, trên mé tường nhà ga, chữ « *Hoa* », đọc là *Huế* đã hiện rành-rành.

Trước nhà ga, một người cố-nhân là anh Phạm Giao đứng đợi. Giao là bạn học của tôi từ ngày còn học trường Trí-tri Hà-nội, hai chúng tôi lúc ấy độ lên chín hoặc lên mười—Giao ra ga đón tôi, thật là một cái nhã-ý tôi cảm-động.

Cùng nhau lên xe, xe chạy mau dưới nắng giữa trưa; cảnh cũ lại đây, nào phố-phường cây-cối, nào kỷ-niệm-đài, nào sông Hương êm-lặng hững-hờ, lại bao nhiêu cây hoa phượng đỏ, rồi đến sáu dịp cầu qua sông, trên cầu rộn-rịp xe, người. Qua cầu rẽ sang tay trái, mấy bước đã tới một cái dinh-thự, xưa kia là dinh-thự của cụ quận Hoàng Thái-Xuyên, sau đổi làm nhà thư-viện, mà bây giờ thì cái bình-phong xây trước cửa, cái rặng cây rườm-rà, lại là chỗ ở của một nhà văn nguyên trước làm chủ nhiệm tờ tạp-chí mà tôi sẽ xếp đặt lại, của một nhân-vật có cái số-phận lạ lùng—nhất ở nước An-Nam ngày nay, của một quan Thượng-thư bận việc và chịu gánh nhiều trách-nhiệm nhất trong các vị Thượng-thư của Nam-triều, của một nhà chính-trị An-Nam, hiện nay người ta phẩm-bình một cách náo-nhiệt nhất, kẻ khen kẻ phục cũng nhiều, người dị-nghị cũng lắm, mà người dị-nghị vu-vơ càng lắm; nhưng chính nhà chính-trị ấy thì bình-tĩnh mà tận-tâm với việc làm, với ý-tưởng, với tư-tưởng quốc-gia: người đó, là ông Phạm Quỳnh vậy.

II

Mấy lần tiếp chuyện Thượng-Chi tiên-sinh

Tôi được thừa-tiếp Thượng-Chi tiên-sinh lần thứ nhất cách đây bốn năm rồi. Độ ấy tôi mới để nhà Tân Dân xuất bản quyển sách thứ nhất của tôi, *Pages Françaises*. Tập văn-sách của kẻ thư-sinh, cho ra đời mục-đích để lấy tiếng cho bạn tú-tài bản-xứ và trường Bưởi. Do đấy, mà hóa ra bước vào làng văn, cũng là một sự thốt-nhiên vậy. Cho nên tôi vẫn không dám coi thường những sự tình cờ, dù có lẽ nói rằng không cần đến những cái hạnh-ngộ thì có vẻ anh-hùng! Nhưng một người như văn-sĩ GŒTHE mà cũng còn công-nhận rằng ta không nên coi thường những « trường hợp », đó là một chứng-cớ đủ cho tôi tin vào những sự tình-cờ.— Vậy quyển *Pages Françaises* ra đời, ông Phạm Quỳnh hạ-cố viết bài bình-luận khen trong *France Indochine* đãi kẻ thư-sinh là « một nhà văn tương-lai » đãi những bài văn-sách viết ở nhà trường kia là những lời văn khiến cho làng văn có hi-vọng. — Lẽ nào tôi chẳng lấy làm vui, lấy làm cảm-động, lấy làm cảm ơn?

Một sự tình cờ nữa, khi ấy tôi lại là láng giềng ông Phạm. Tôi vừa thôi học ở trường Bưởi, từ giã quan Đốc Autigeon rất tốt và các thầy giáo tôi rất mến, như bà BRACHET, ông PUJARNISCLE, để sang chuyên học Triết-học bên trường *A. Sarraut*, luôn thể tôi liền bỏ cái đời lưu học-sinh, mà ra trọ học ở ngoài phố. Thuê cái nhà số 36 hàng Da cũ, tôi ở đó hầu nghiêm-đường đã vì tôi mà ra làm thuốc ở Hà-nội để trông nom gìn-giữ cho tôi. Thượng Chi tiên-sinh và tạp-chí *Nam-Phong* thì ở số 5 cùng phố ấy. Vậy một buổi chiều đi học ở *Lycée* về, tôi liền tìm sang nhà tiên-sinh để cảm ơn.

NGUYỄN-TIẾN-LÃNG

(Còn nữa)

ĐỜI SÚNG ĐẠN

■

Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến (1)

■

IV

Nguyên bác-sĩ Cát-Lễ được tin điện-thoại của Lệ-Ti, liền đem bốn năm người cảnh-binh đến, nghe thấy tiếng Lệ-Ti kêu, vội-vàng đẩy cửa nhưng cửa khóa, bèn phá cửa mà vào. Đến phòng đọc sách thấy Mạch-Hải đang bóp cổ Lệ-Ti ở dưới đất, bác-sĩ kinh-ngạc, liền sai cảnh-binh bắt Mạch-Hải. Mạch-Hải vùng chạy toan trốn, nhưng bọn cảnh-binh đuổi theo bắt được. Bác-sĩ Cát-Lễ thân-hành đỡ Lệ-Ti dậy. Lệ-Ti trỏ vào Mạch-Hải mà nói :

— Đáng thương cho người này, chỉ vì hiểu lầm một chút mà đánh tôi như thế, các ông đừng làm khó-khăn gì hắn ta. Hắn ta chỉ vì nhiễm nhiều chất độc của rượu quá, tổn-thương đến óc nên mới mất cái bản-tính đi như thế, phải cho vào viện cấm rượu mới được. Vậy nhờ các ông bắt hắn ta vào viện rồi cưỡng bách bắt chừa rượu đi, vì hắn ta là một người rất có quan-hệ với quốc-gia đấy.

Bác-sĩ Cát-Lễ nhận lời. Bọn cảnh-binh thấy xác của thám-tử Đức trên mặt đất lấy làm lạ, bèn hỏi Lệ-Ti, Lệ-Ti nói :

— Đó là tên thám-tử của Đức đến đây để hành-thích chúng tôi, bị chúng tôi giết chết. Tôi là thám-tử của bộ trinh-thám đây. Việc này các ông cứ mặc tôi xử-lý, nhưng xin các ông giữ bí-mật cho.

Bấy giờ Mạch-Hải mới biết rằng Lệ-Ti quả là người của bộ trinh-thám, mà cái việc thám-tử Đức định ám-sát không can-thiệp gì đến nàng, mới rất lấy làm hối-hận và xấu-hổ.

Bọn bác-sĩ Cát-Lễ chào Lệ-Ti rồi dẫn Mạch-Hải đi.

Viện cấm rượu là của chính-phủ Hoa-kỳ lập ra, chuyên để giam những đồ-đệ của Lưu-Linh, lấy cường-quyền bắt phải chừa rượu. Cơ-sở của viện rộng-rãi to-tát, tường cao và dày bao-bọc chung quanh, cửa bằng sắt và có khóa rất là kiên-cố, lại hai người lính vác súng canh gác ngày đêm, những người nghiện rượu phải giam ở trong ấy nếu không có lệnh của ông viện-trưởng thì không ai được ra khỏi, chẳng khác gì ở nơi ngục-thất. Mạch-Hải vào đấy được ở một căn phòng sạch-sẽ, phàm những sự tổn-phí đều do Lệ-Ti chịu cả, sự sinh-hoạt đều được đầy-đủ chu-chí, duy có rượu là không được uống một hớp nào mà thôi. Mạch-Hải vẫn lấy điều ấy làm khổ lắm, hàng ngày cứ đi quanh-quẩn ở vườn hoa nói lảm nhảm luôn mồm, mỗi khi nghĩ đến cái mùi men thơm ngon thì lại giỏ dãi.

(1) *Xem Nam-Phong từ số 197.*

Một hôm, Mạch-Hải sực nghĩ ra một kế. Chàng đợi có người cu-li đi qua bên cho nó tiền và nhờ nó mua rượu hộ. Quả-nhiên nó đem đến cho một chai rượu, Mạch-Hải mừng lắm, giấu ngay vào trong áo, định để đến đêm thuya vắng-vẻ là uống. Nhưng ông lão già quê chân cũng bị giam ở trong viện ngồi gần đấy bảo chàng rằng :

— Phàm những rượu của bọn người làm trong này đưa cho đều không nên uống, vì trong rượu ấy đều hòa thuốc chửa rượu, uống vào thì trong bụng đau-đớn rồi hễ trông thấy rượu là sợ. Đó là cái kế của viện, những người mới vào không biết đều mắc lừa cả. Tôi thấy ông vào đây cũng chửa bao lâu nên bảo cho ông biết, ông nên cẩn-thận.

Mạch-Hải nghe nói sợ-hãi tỉnh-ngộ, bèn lấy chai rượu giấu ở trong áo ra, ném ngay xuống cái bồ ngay trước mặt. Một tiếng đánh bõm, mặt nước tỏa ra một vòng tròn lan rộng mãi. Mạch-Hải đứng ngây người ra nhìn như có ý tức và buồn.

Thầy thuốc Cù-Lợi-Á là một lão già độ 50 tuổi, mở phòng khám bệnh ở số 413 đường Bối-cầm, tiếng tăm không được mấy người biết, chẳng qua lão treo biển thầy thuốc là để che tai mắt mọi người chứ thực ra lão là lĩnh-tụ của một chi-bộ trinh-thám Đức.

Lệ-Ti ngẫu-nhiên nhặt được ở bên cạnh viên thám-tử Đức E 22 một mảnh giấy bí-mật có quan-hệ đến lão, nên hôm ấy, nàng thân-hành đến đường Bối-cầm nấp ở gần nhà lão để dò xét. Một lúc Cù-Lợi-Á ra, Lệ-Ti liền đi theo sau, thấy lão ta vào một hàng bào-chế, nàng cũng tiếp gót vào theo. Lợi-Á rút ra một mảnh giấy đặt lên trên bàn, Lệ-Ti liếc mắt nhìn qua, bất-giác kinh-ngạc, thì ra trong mảnh giấy ấy kê hai chữ... nhân-ngôn. Mua được thuốc rồi, Lợi-Á vội-vàng ra ngay, Lệ-Ti bồi-hồi nghĩ ngợi một lúc rồi cũng đi ra.

Chiều hôm ấy, Lợi-Á đang ngồi ở bàn giấy trước những đống giấy mà cao đến bàng mấy tấc thì người bồi vào đưa cho một cái thơ. Mở ra xem thì là thơ của thám-tử 22 :

Ông Cù-lợi-Á

Có việc cần-kíp phải trực-tiếp với ông, vậy 8 giờ tối hôm nay mời ông lại khách-sạn Mông-đặc đường Bạch-lạp-lan, xin đừng chậm-trễ.

E. 22

Lợi-Á xem xong, trong tâm lấy làm lạ, nghĩ thầm rằng E 22 quả muốn nói truyện với mình thì sao không đến tận đây mà lại ước đến một chỗ xa-xôi đến mười mấy dặm ? Nhưng lại nghĩ rằng hay là E 22 viết thư như thế là có tình ý riêng gì chăng, chi bằng thử đi đến trước giờ hẹn thì mối ngờ có thể khám-phá được. Thế rồi, cơm chiều xong, đồng-hồ trên tường mới kêu bảy tiếng, Lợi-Á đã vội-vàng đánh xe đi đến chỗ hẹn. Có ngờ đâu rằng thám-tử 22 đã chết về viên đạn của Mạch-Hải rồi, mà bức thư kia chỉ là bức thư đánh lừa của Lệ-Ti mà thôi.

Lợi-Á ra khỏi nhà độ 15 phút, tức thì có một người con gái trèo qua cửa sổ vào phòng giấy của lão lục-lọi tìm-tòi đống giấy mà trên bàn giấy. Người con gái ấy, chẳng phải nói độc-giả cũng biết trước là Lệ-Ti. Lệ-Ti chợt tìm thấy một phong-thư từ viện cầm rượu gửi đến, nàng biết ngay rằng phong thư ấy tất có quan-hệ đến Mạch-Hải chứ chẳng không, mới mở ra xem, thì bức thư ấy dài lắm, nhưng lời lẽ ngô-nghê chẳng có nghĩa gì cả, mà xét ra chữ

ở bức thư này cũng không phải là chữ bí-mật riêng. Nàng lấy làm lạ lắm, nghiên-cứu mãi mà không biết làm thế nào cho hiểu được. Ngẫu-nhiên nàng lại cầm lấy bức thư khác xem, mới nhận ra rằng bức thư nào cũng có một cái vạch chéo từ góc nọ sang góc kia, nhưng cũng không biết cái vạch ấy dùng để làm gì. Sau chợt nghĩ ra, nàng mới lấy bức thư ở viện cấm rượu gửi đến, cũng vạch một cái từ góc nọ chéo sang góc kia, rồi nàng đọc những chữ nào có cái vạch đi qua liền thành một bức thư :

Cái lòng muốn uống rượu của Mạch-Hải chưa thật hết, nay có thể nhân đấy mà giết nó được. Xin gửi ngay cho một gói nhân-ngôn vào trong viện, để thực-hành ngay đêm hôm nay. Ông có thể ngồi đợi tin chết của Mạch-Hải được.

Lệ-Ti xem xong kinh-hãi, rút đồng-hồ ra xem đã 8 giờ rồi. Nàng sợ rằng Mạch-Hải bị quân gian hãm-hại cứu không kịp chăng, mới vội-vàng gọi giây nói đến bảo Mạch-Hải :

— Ông Mạch-Hải ! Có người muốn bỏ thuốc độc vào rượu để hãm-hại ông, vậy bất cứ ai, nếu cho ông rượu thì ông chớ có uống.

Chẳng ngờ Mạch-Hải ở đầu giây kia đáp lại rằng .

— Tôi đã lâu không được uống rượu, thèm đến chết mất, nếu ai cho, tôi uống ngay, chết cũng không sợ.

Lệ-Ti nghe nói giật mình, muốn nói nữa để khuyên cản. Nhưng Mạch-Hải đã bỏ ống nói mà đi rồi. Lệ-Ti liền ném ống nói xuống bàn, lại nhảy qua cửa sổ ra xe hơi, bảo tài-xế mở hết tốc-lực đến viện cấm rượu.

Tối hôm ấy, sau khi cơm tối xong, Mạch-Hải ngồi một mình ở trong phòng, buồn-bực lắm. Chợt ông lão già quê chân ở phòng bên cạnh ngồi trên cái ghế có bốn bánh xe do một người đẩy tớ đẩy sang chơi. Trông thấy Mạch-Hải, ông lão nói :

— Chào ông, ông ngồi ro-ró trong phòng thế này có buồn không ?

— Buồn lắm !

— Tôi ngồi một mình cũng buồn nên sang đây nói chuyện phiếm với ông cho vui.

Mạch-Hải gật đầu :

— Thế thì hay lắm.

Ông lão già nói hết chuyện nọ đến chuyện kia, Mạch-Hải chỉ ầm-ừ đáp qua-loa, chứ bụng dạ còn ở đâu đâu. Một lúc tên đầy tớ của ông lão đi ra, trong phòng chỉ còn có hai người, ông lão mới lấy ở trong bọc ra một chai rượu, giơ cho Mạch Hải xem rồi cười khà khà nói :

— Tôi biết ông chửa vô-tình với ma-men, nên hôm nay có chai rượu ngon đem sang, ông có muốn uống không ?

Mạch-Hải trông thấy chai rượu vui sướng quá, cầm ngay lấy mở nút ra kề vào miệng toan tu, sực nghĩ đến lời dặn trong giây nói của Lệ-Ti mới đem lòng ngờ không dám uống vội, bèn đưa chai rượu cho ông lão bắt ông ta uống trước. Ông lão ngạc-nhiên, nhưng muốn cho Mạch-Hải khỏi ngờ, mới cầm lấy chai rượu, song mới giơ lên toan uống lại bỏ xuống, gượng cười nói với Mạch-Hải :

— Tôi đem rượu sang thết ông, có lẽ nào chủ lại uống trước khách bao giờ ? Xin mời ông lấy trước.

Mạch-Hải ngửi thấy mùi men ngon-ngọt thơm-tho, nước dãi giỏ ra, chẳng nghĩ gì đến lời của Lệ-Ti nữa, cầm lấy chai rượu vừa kề vào miệng toan uống thì cánh cửa mở toang ra, một người

con gái sấn-sổ chạy vào quát lên, làm cho Mạch-Hải giật mình quay lại, thì ra Lệ-Ti.

Lệ-Ti đi xe hơi đến viện, vào xin phép bác-sĩ rồi chạy đến phòng Mạch-Hải, vào lúc Mạch-Hải sắp sửa tu chai rượu. Lệ-Ti trông thấy vội giơ tay lên vẫy, vừa thở vừa nói : — Đừng uống!... Đừng uống! . . . Thuốc độc đấy.

Lệ-Ti vừa nói rứt lời, ông lão già quê biết rằng mưu mình đã bại-lộ, mới từ trên ghế nhảy xuống xông ra đánh Lệ-Ti. Lệ-Ti nhanh chân, nhảy lên đá một cái trúng ngay vào ngực ông lão, ông lão ngã lăn xuống đất, vừa ngóc dậy toan chạy thì Lệ-Ti đã rút súng ra bắn cho một phát ngã lăn ra chết liền ở đất. Lệ-Ti trông đến Mạch-Hải, thấy Mạch-Hải đang đứng giơ chai rượu lên rồi ngửa mặt lên trời mà nói : — Rượu ! . . . Rượu ngon ! . . . Trời ơi ! . . . A ! Bí-mật của quân Đức !

Nói đến đấy, Mạch-Hải kề chai rượu vào môi, há mồm ra. Lệ-Ti sợ quá, nguy thay, Mạch-Hải sẽ chết về rượu độc bây giờ ! . . .

Nhưng, Lệ-Ti là một người khôn-ngoan ít có. Giữa lúc Mạch-Hải sắp tu chai rượu, nàng biết rằng chạy đến mà dằng ra tất-nhiên không kịp, mới chĩa súng ngắm vào chai rượu bắn một phát, chai rượu ở tay Mạch Hải vỡ toang, rượu chảy xuống đất lênh-láng.

Mạch-Hải giật mình sợ hãi, Lệ-Ti chạy đến vỗ vào vai chàng mà yên-ủi :

— Uống thuốc độc để khỏi khát, người khôn không ai thế. Rượu này là thuốc độc của quân gian chế ra, nếu ông tham mà uống vào thì ông coi thường cái tính-mệnh ông quá. Ông Mạch-Hải ơi ! ông nên biết rằng thân ông có quan-hệ lớn với tổ-quốc, sao ông vẫn giữ mãi cái lòng chán đời mà coi thường cái chết thế.

Lệ-Ti trong khi nói, tình ý khẩn thiết, nước mắt thường thường rơm-rớm, khiến cho Mạch-Hải cảm-động mà lấy làm hối-hận, chỉ cúi đầu không nói gì. Lệ-Ti bèn cáo từ đi ra.

Lệ-Ti đi rồi, Mạch-Hải đứng ngây người ra như người mất hồn, một lúc rồi tắt đèn đi ngủ. Lên giường nằm trằn-trọc mãi không ngủ được, đến lúc đồng-hồ đánh ba giờ, chàng mỏi-mệt quá mới mơ-màng vào một giấc chiêm-bao. Chàng thấy quân tướng Đức nhiều lắm, người nào cũng cầm một chén rượu giơ lên mời chàng cùng uống. Mùi rượu thơm-tho đưa vào mũi chàng làm cho chàng thèm-thuồng giỏ dãi, đã toan đi lên cùng uống, sau lại chợt nghĩ quân Đức là cừu-địch với nước mình, mà mời mình uống rượu tất là không có cái ý tốt, biết đâu lại chẳng phải thuốc độc để hại mình hay sao. Nghĩ thế mới ngần-ngại không muốn đi lên nữa, chẳng ngờ bọn quân Đức lại nhìn Mạch-Hải mà cười lớn. Mạch-Hải tức lắm, sấn lên toan đánh bọn quân Đức, thì giật mình tỉnh dậy, mới biết rằng mình vẫn nằm ở trên giường.

Lúc bấy giờ đêm đã khuya, bốn bên đều im lặng, chỉ có tiếng đồng-hồ tích-tắc ở trên tường mà thôi. Mạch-Hải nằm ở trên giường phân-vân nghĩ-ngợi, chàng nghĩ thầm : Lệ-Ti với ta thực không có quan-hệ gì, không quen biết nhau, lại là một người con gái, mà từng bao nhiêu lần vì lòng nghĩa-hiệp cứu cho ta khỏi nơi nguy-hiểm, lại đem những lời êm-ái khuyên-bảo ta, khiến cho ta biết yêu-mến đến tổ-quốc, thực là đáng cảm-khích vô-cùng. Nếu ta còn mê-muội không biết tỉnh-ngộ, còn ham muốn rượu chè, không lấy gì đáp lại tổ-quốc, đáp lại Lệ-Ti thì ta thực là một loài động-vật loài máu

lạnh vậy. Nghĩ đến đấy mồ hôi tràn toát ra, chàng vừa xấu hổ vừa hối-hận, mới ngửa mặt lên trời thề rằng từ hôm nay xin nghe lời trung-cáo của Lệ-Ti không uống rượu nữa. Lập ý đã định, trong lòng mới hơi yên rồi ngủ thiếp đi.

Một hôm Lệ-Ti ở bộ trinh-thám nhận được thơ của bác-sĩ Cát-Lễ là viện-trưởng viện cấm rượu bảo rằng Mạch-Hải đã chừa được rượu rồi, đến trưa hôm sau có thể ra khỏi viện được và mời Lệ-Ti đến. Lệ-Ti xem thơ xong, để thơ lên trên bàn thì Khắc-Tư mở cửa vào, thấy phong thơ ở trên bàn liền cầm lấy xem. Xem xong, vui vẻ bảo Lệ-Ti:

— Trưa mai cô nên đến viện cấm rượu để dò xét những điều đại bí-mật của Mạch-Hải đã biết, công ấy của cô không phải là nhỏ.

Lệ-Ti thấy Khắc-Tư xem bức thư có ý không bằng lòng, chỉ trả lời qua rằng phải. Một lúc Lệ-Ti về, Khắc-Tư lập-tức đứng dậy ra gọi giây nói có vẻ giấu giếm bí-mật, xong rồi lại về phòng giấy của mình.

■

Chiều hôm ấy, chi-bộ trinh-thám thứ nhất của Đức ở Mĩ mở một cuộc hội-nghị ở Lỗ-Lan y-viện. Viện bộ-trưởng của chi-bộ ấy là Lỗ-Lan y-sĩ. Lỗ-Lan ngồi ở bàn giấy, những nam nữ thám-tử đứng cả ở chung quanh rất là im lặng nghiêm-trang. Lỗ-Lan nói:

— Tôi vừa mới được người bạn báo cho biết rằng trưa mai Lệ-Ti thân-hành đến đón Mạch-Hải ở viện cấm rượu, thực là một cơ-hội tốt cho đảng ta. Nay đối với việc này tôi có một kế-sách, chẳng biết các anh em đây có cho là phải không?

Nói đến đấy, Lỗ-Lan nhìn đến Phật-Lai. Phật-Lai lúc ấy đang nắm tay một nữ-đảng-viên là La-Na, mà không để ý đến lời Lỗ-Lan nói, khiến cho Lỗ-Lan nổi giận, bảo với La-Na:

— Từ rày chị có dự hội thì phải đeo mạng che mặt, chẳng có Phật-Lai hắt cứ mê về chị không để ý gì đến lời tôi nói cả.

La-Na nghe nói đỏ mặt lên, liền buông cái mạng che mặt xuống. Phật-Lai cũng thẹn, ngồi nghe nín thin-thít không dám tây-máy nữa. Lỗ-Lan mới đem cái kế-hoạch đã dự-định sẵn nói cho mọi người nghe, ai nấy đều lấy làm phải, Lỗ-Lan cặn kẽ dặn mọi người đến mai cứ thế thi-hành, đừng để hỏng việc, rồi tuyên-bố giải tán. Các đảng-viên rải-rác ra về, còn Phật-Lai lại khoác tay La-Na cùng đi.

Trưa hôm sau, Lệ-Ti từ nhà đi xe đến viện cấm rượu. Ra đến ngoại ô, đường đi rất là vắng-vẻ. Chính lúc xe đang chạy nhanh, Lệ-Ti chợt thấy đàng trước mặt một người ở trong rừng bên vệ đường chạy ra rồi ngã lăn ra giữa đường. Lệ-Ti vội bảo tài-xế hãm xe lại rồi thân-hành xuống xem. Người tài-xế cũng xuống xe, vừa đi đến bên cạnh người ấy thì bất-nhiên bị người ấy vùng dậy túm lấy ngực rồi đấm đá túi-bụi. Lệ-Ti kinh-ngạc, biết ngay rằng trúng-kế, quay mình toan chạy, nhưng trong rừng ùa ra vô-số thám-tử Đức vây lại đánh Lệ-Ti. Lệ-Ti tuy khỏe nhưng quả bất địch chúng, rút lại bị bọn này bắt được. Trong khi ấy, viên tài-xế cũng bị đánh bất-tỉnh nhân-sự nằm lăn ở đất. Đảng thám-tử Đức lột lấy bộ quần áo, rồi quẳng người tài-xế vào một xó rừng. Một thám-tử Đức mặc bộ quần áo ấy, đem Lệ-Ti lên xe rồi mở máy cho xe chạy. Thế là Lệ-Ti bị bắt.

Lệ-Ti bị bắt rồi, La-Na mới y như kế đã định sẵn, mạo-danh là Lệ-Ti gọi giây nói đến bác-sĩ Cát-Lễ, nói

rằng hôm qua nhận được thơ của bác-sĩ nói rằng Mạch-Hải trưa hôm nay có thể ra khỏi viện được, lấy làm mừng lắm. Nhưng tiếc rằng hôm nay bận có việc cần không thể đến được, nên đặc-cử người bạn là Phật-Lai đến đón Mạch-Hải, và Phật-Lai sắp đến viện rồi, xin bác-sĩ cứ giao Mạch-Hải cho người ấy. Bác-sĩ Cát-Lễ tin là thật, mới cho gọi Mạch-Hải đến bảo cho biết là như thế. Giữa lúc hai người đang nói chuyện với nhau thì tên đầy-tớ cầm cái danh-thiếp vào, nói rằng có người xin tiếp-kiến. Bác-sĩ xem danh-thiếp quả thực là tên Phật-Lai mới bảo mời vào. Một lúc Phật-Lai bước vào, ngả mũ mỉm cười cúi chào, thái-độ rất là khiêm-tốn hòa-nhã. Lời Phật-Lai nói cũng hợp như lời trong giấy nói, nên bác-sĩ lại càng tin không nghi-ngại gì, tức thì giới-thiệu Mạch-Hải cho Phật-Lai. Phật-Lai xin đem Mạch-Hải ra, bác-sĩ bèn vỗ vào vai Mạch-Hải bảo rằng:

— Từ nay trở đi, một giọt rượu nào ông cũng không nên uống nữa. Nếu không nghe thì bệnh cũ lại phát đấy, ông phải cẩn-thận.

Mạch-Hải vâng, rồi cùng với Phật-Lai chào bác-sĩ đi ra.

Đi một lúc lâu, qua một hàng rượu, Phật-Lai rún vai cười gằn nói với Mạch-Hải:

— Ông Mạch-Hải ơi, tôi thích rượu lắm, tôi muốn vào hàng này uống mấy cốc rượu, ông có bằng lòng không?

Mạch-Hải lắc đầu:

— Thế ông không nghe thấy bác-sĩ Cát-Lễ nói lúc nãy ư? Tôi đã chừa rồi kia mà!

Phật-Lai vội-vàng nói:

— Không, tôi có dám mời ông uống đâu, ông đừng hiểu lầm. Đó là tôi bảo ông vào giám-thị cho tôi chẳng có tôi vui chén say quá chăng đấy chứ.

— Thế thì được, tôi vào với ông cũng không hại gì.

Phật-Lai mừng lắm, kéo Mạch-Hải vào hàng mua một chai rượu, từ từ rót vào cốc rồi giơ lên uống, làm ra dáng ngon lành sung-sướng lắm. Mạch-Hải quay mặt nhìn ra chỗ khác, lấy thuốc lá ra quấn một điếu hút. Phật-Lai sực nghĩ ra một kế, cũng lấy thuốc lá ra quấn một điếu rồi mượn điếu thuốc của Mạch-Hải để xin lửa. Mạch-Hải vô-tình, tự-nhiên đưa điếu thuốc cho Phật-Lai. Phật-Lai thừa lúc Mạch-Hải không trông thấy, lấy rượu ở cốc phiết vào điếu thuốc rồi đưa trả Mạch-Hải. Mạch-Hải cầm lấy điếu thuốc hút, chợt thấy có hơi men, nhìn đến điếu thuốc mới biết cái mưu gian của Phật-Lai muốn làm cho mình biết hơi men rồi thêm tất phải uống, mà uống biết đâu lại chẳng trúng phải thuốc mê, hay là say quá có điều gì phun ra hết, mới tức mình ném điếu thuốc xuống đất rồi bước dảo toan ra. Phật-Lai sợ hãi vội chạy ra ngăn lại và hỏi:

— Ông định đi đâu?

Mạch-Hải gắt:

— Tôi có tự-do của tôi, đi đâu việc gì đến anh mà anh hỏi. Anh bảo anh là đại-biểu của cô Lệ-Tì có thật không?

— Thật, thật.

— Anh nói láo, tôi không thể tin anh được.

Nói rồi Mạch-Hải lại toan đi, Phật-Lai lại ngăn lại, Mạch-Hải cả giận đấm cho một cái thật mạnh, Phật-Lai ngã xuống đất không thể dậy được nữa. Mạch-Hải mới ngang-nhiên ra khỏi nhà hàng rồi đi. Hồi lâu Phật-Lai mới đứng lên được, lấy làm phẫn-uất lắm, vội-vàng sai người đến báo cho La-Na biết để thi-hành kế thứ hai.

(Còn nữa)

Tùng-Toàn *dịch*

VĂN-UYỂN

THƠ CỔ

Hải-thượng Đình-trai tiên-sinh thi-tập (1)

XXII

Phong-cảnh tỉnh Thanh-hóa

Vó câu đủng-đỉnh cõi Thanh-huế,
Phóng nhãn coi chơi cảnh cũng bề;
Sơn thủy đền Sòng hơi chúa Liễu,
Cung đình cầu Bố dấu vua Lê;
Hang Từ, động Chích trời xây khéo,
Bãi Hạc, cồn Rồng đất đẹp ghê!
Ngọc-nữ nầy đâu ra đứng đó,
Trông ai mà lại ngảnh bên Về.

XXIII

Phong-cảnh Nghệ-an

Bướng hoa lững-thững ngựa dừng
Ướm hỏi châu này cảnh với nhân;[chân,
Quỳnh-lụ, Quỳnh-đôi, trai sự-nghiệp,
Non Hồ, non Liễu, gái thanh-tân;
Giang-sơn chỉ chót thô cùng mỉ,
Phong-vật cho nên chất quá văn;
Chữ « tỉnh » khen ai đem đặt tiếng,
Ta nghe thấy tiếng thấy tinh-thần.

XXIV

Đề đền Sòng

Sơn thủy bày ra cảnh tự-nhiên,
Bồng-lai cung-khuyết khéo xây nên;
Hoa hương ngào-ngạt thông ngăn lại,
Đàn phách vang lừng trúc mùa lên;
Sắc tặng đời đời phong chữ Thánh,
Văn chầu buổi buổi tụng câu Tiên;
Uy-linh khắp tỏa trời nam bắc,
Thượng-đẳng xưa nay một bức truyền.

XXV

Núi Chồng-mâm

Chồng-mâm đâu đó đứng treo leo,
Đã mấy đời nay đá mốc-meo;
Đơm đặt lớp trên đè lớp dưới,
Vuông tròn tầng thấp nối tầng cao;
Giang-sơn một thế ai bày sẵn,
Hoa trúc mươi hàng mặc xếp nhau
Mấy bước thang mây ta đã quyết,
Ngồi lên mâm nhất rượu ta kèo.

XXVI

Núi Chiếc-đũa

Chiếc đũa kia kìa đũa của ai?
Dãi ra đứng đó mấy mươi đời;
Giang-sơn cầm giữa trong trời rộng,
Hình-tượng so lên trước bể khơi.
Ý rập xẻ mâm phong-nguyệt thử,
Hay toan xóc gành kiếm-cung chơi;
Khen ai chạm trổ đà nên khéo,
Đũa ấy xinh sao dáng thợ trời

XXVII

Đề đền vua Lê ở làng Bố-vệ

Non nước qua chơi hỏi mới tường,
Kìa Thần-sơn đó nọ Hương-giang:
Dấu thiêng đất cũng sinh thần thánh,
Phát phúc trời cho đã đế vương;
Dư bốn-trăm năm còn dấu ngọc,
Hai-mươi-tám vị những ngai vàng;
Nhân-tâm thiên-lý xưa nay một,
Nghi-ngút đền lầu tỏa khói hương.

XXVIII

Núi Ngọc-nữ

Ngọc-nữ đâu ra đứng mới tình,
Sơn-hình coi chẳng khác nhân-hình:
Mà đào một sắc in rêu bạc,
Mày liễu đôi hàng điểm vết xanh;
Đoái tổ sao không bền vững gót,
Trông ai mà lại ngảnh nghiêng mình;
Xưa nay trời đất thường trêu ghẹo,
Cái kiếp hồng-nhan những mỏng-manh.

(1) *Tập thơ này nguyên-văn chữ nôm đã cổ, không biết dịch tên Đình-Trai tiên-sinh là gì, song xét trong tập thơ có bài « gặp quan Tổng-đốc Nguyễn Công-Trứ » và bài « họa thơ tự-thọ của ông Trứ » thì biết tiên-sinh là người đồng-thời với ông Trứ vào khoảng đời Minh-mệnh Tự-đức.*

VĂN KIM

Nhảy đầm phú

(Lấy vần : Mẹ ơi con muốn nhảy đầm)

Có một cô :

Ở chốn thị-thành ; con nhà bề-thế.

Rất mực phong-lưu; ơn nhờ cha mẹ.

Xem cô chẳng có vẻ thẹn-thò ; nhìn cô rõ ra người mới-mẻ.

Áo mùi quần trắng hề bảnh-bao, phấn trát son bôi hề đẹp-đẽ.

Rẽ lệch đường ngôi chi mái tóc, bộ rất kỳ khôi ; cười nhe trắng nhởn chi hàm răng, nói pha mách-qué.

Ông Nguyệt-lão cầm cân nảy mực, duyên lứa đôi tơ đỏ chửa xe ; phận nữ-nhi kén cá chọn canh, tuổi vài chục xuân xanh có lẻ.

Hỡi cô kia ơi !

Đương buổi tân-thời.

Kìa trông em chị ; đủ ngón ăn chơi.

Trai đánh phải biết đấy biết đó ; gái cũng đua khoe sắc khoe tài.

Ngọn phong-trào mặc sức đua chen, ra tuồng gái mới ; nền phong-hóa tha hồ đổ nát, chẳng sợ ai cười

Thói cổ-nhân gia-pháp rất nghiêm, ngoài vòng tứ-đức tam-tòng, gái không phải gái ; buổi kim-thế nữ-quyền mở rộng, mất chữ tự do bình-đẳng, đời sao là đời

Như cô :

Đào thơ liễu yếu ; mà phấn môi son.

Hãy còn son-sẻ ; chửa có chồng con.

Chửa biết hết điều hay điều dở ; đã biết đâu ai dại ai khôn.

Bẩn chẳng ưa băng-tuyết chi phong, gìn vàng giữ ngọc : chừng chỉ thích trăng-hoa chi thói, chỉ bề thề non.

Việc tề-gia chửa phải trông nom, tình thế ấy cảnh thế ấy ; cuộc hành-lạc không nơi tiêu-khiển, ăn sao ngon ngủ sao ngon ?

Cô ư thị :

Cơm tối đã xong; soi gương ngắm vuốt.

Ra vẻ liễu-thư ; rất mầu chải-chuốt.

Bước chân lên xe hề đến nhà « đăng-xinh » ; bắt tay chào bạn hề trông có đúng « mốt »

Qui-khách vương-tôn họp mặt, vui thật là vui ; giai-nhân tài-tử gian tay, muốn ai thì muốn.

Dưới bóng điện tay ôm chầm chập, ôm thế nào cho mệt cho mê ; theo nhịp kèn chân nhảy rập-rình, nhảy rõ thật đến nơi đến chốn.

Trai nào gái ấy, láo-nháo láo-nháo ; chồng nọ vợ kia, lốn-nha lốn-nhốn.

Đôi mắt rợn hữu-tình chi sóng, ngả-ngả nghiêng-nghiêng ; hai bên đương đắc-ý chi thời, đầy đầy dún-dún.

Hẳn có nghĩ :

Cái già theo sau; đời người được mấy!

Gái cổ gái kim ; thời nào thời ấy.

Bây giờ phải dạn như ruồi ; không thể cứ rát như cáy

Đem mình ngọc đến nơi « khiêu-vũ », dún thì dún mà ôm thì ôm ; lui gót vàng về chốn thâm-khuê, đấy vẫn đấy mà đấy vẫn đấy

Lối áp-chế trong gia-đình đáng bỏ, người làm sao mà ta những làm sao ; sóng văn-minh từ ngoại quốc tràn sang, trai biết nhảy để gái không biết nhảy !

Than ôi !

Con gái An-Nam,

Cũng biết nhảy đầm.

Óc đành đổi mới ; đường đã đi lầm !

Đương buổi giao-thời hề lắm trò giải-trí ! đến đất đô-hội hề lắm nỗi thương-tâm !

Nữ-giới chi văn-minh hề chỉ thấy có vỏ ; nữ-giới chi tự-do hề nay đã mọc mầm

Cứ như xưa ngọc trắng gương trong, lòng ao-ước ai là chẳng có ; đã đến nỗi hoa tường liễu ngõ, miệng khen chê cô thử nghĩ thầm.

Tương-giang-thị

THỜI-ĐÀM

PHÁP

Bài diễn-văn thứ ba của quan thủ-tướng Doumergue.

Từ ngày nội-các liên-hiệp thành-lập đến giờ, ông DOUMERGUE đã đọc diễn-văn hai lần để tuyên-bố công-việc của chính-phủ với quốc-dân. Hôm 16 Juillet vừa rồi ông lại đọc bài diễn-văn thứ ba do máy truyền-thanh truyền đi khắp trong nước. Trong bài diễn-văn ấy, ông có tuyên-bố:

«... Thị-trường tiền-tệ mỗi ngày thêm khá. Từ đầu tháng mars, 5 triệu rưởi vàng đã vào nước Pháp. Công-quĩ tăng lên. Cuộc cải-cách thuế-má đã thay đổi một chế-độ cũ vừa nặng nề vừa khó-khăn, rất trở-ngại cho sự khuếch-trương nền kinh-tế. Chính-phủ đã tránh được cái nạn phải đóng các công-quĩ và đồng tiền bị mất giá. Nền tài-chính chấn-chỉnh thêm, nên nội-các đã trù cho nông-nghiệp nhiều khoản tiền lớn giúp các nhà điền-chủ bán thóc lúa mùa gặt này cho có lợi. Nội-các lúc nào cũng để ý đến việc bài-trừ nạn thất-nghiệp, nên đã thảo chương-trình các việc công-tác có ích cho tỉnh-thành và thôn-quê. Nội-các săn-sóc đến việc canh-phòng cương-giới, không để những kẻ có ý xâm-lấn vượt qua vào nổi. Chúng tôi rất trọng hòa-bình, rất muốn giữ cuộc hòa-bình. Vừa đây ông BARTHOU đi du-lịch nhiều nước tức là chứng cho thiên-hạ biết rằng nước Pháp thành-thực cộng-tác hợp với công-cuộc hòa-bình...»

Nước Pháp sắp phát-hành cuộc công-thái 3.000 triệu

Ông GERMAIN MARTIN, Tổng-trưởng bộ Tài-chính, có quyết-định phát-hành một cuộc công-thái 3.000 triệu quan. Trái-phiếu để 1.000 quan sẽ giá là 950 quan. Những trái-phiếu này sẽ hoàn lại trong hạn 50 năm, mỗi phiếu được 400 quan tiền thưởng.

Trong năm nay không có tập trận.

Trước có tin năm nay nước Pháp có cuộc tập trận lớn, nhưng quan Thống-chế PÉTAIN, tổng-trưởng bộ Chiến-tranh, vừa ra lệnh rằng theo chính-sách tiết-kiệm thì trong năm 1934 này bãi tất cả các cuộc tập trận đi. Các đạo quân chỉ tập luyện như thường thôi.

Việc Stavisky.

Trải mấy tháng rồi mà việc *Stavisky* vẫn chưa có kết-quả. Ủy-ban điều-tra mới đây có hỏi mấy nhân-vật trọng-yếu như các ông: TARDIEU, nguyên thủ-tướng; LAVAL, tổng-trưởng bộ Thuộc-địa; MATHIEU, nguyên tổng-trưởng bộ Nội-vụ trong nội-các *Tardieu*.

Ông TARDIEU buộc tội cho ông nguyên thủ-tướng CHAUTEMPS rằng ông CHAUTEMPS biết rất rõ vụ này, nhưng vì muốn lấp việc này đi nên mới bày đặt ra chuyện kia chuyện nọ. Ngay từ trước tháng Septembre 1933 ông CHAUTEMPS đã biết cả những công việc của STAVISKY mà ông không hạ lệnh bắt tên bợm ấy. Ông lại vận-động cho STAVISKY tẩu-thoát và tìm hết cách che-chở cho

Tình-thế Trung Nhật.

Chính-phủ Tàu từ khi giao-thiệp với Nhật, thành-lập hiệp-định Đường-cô, tạm đình-chiến mặt Hoa-bắc. Từ đó lại nhóm lên giao-thiệp về vấn-đề thông-xa, trải qua một năm trời nay rồi, chính-phủ Trung-ương còn nghĩ đến quyền-lợi của quốc-gia mãi không giải-quyết ra sao. Nay vì người Nhật, lấy uy-lực dọa giả, người Tàu sợ mà phải làm cho xong ngay vấn-đề ấy, hiệp-định thông-xa đã ký rồi, xe hỏa Bắc-bình chạy suốt Thẩm-dương đã bắt đầu khai-hành từ ngày 1er Juillet này rồi, thế là mưu của người Nhật đã đắc-thắng.

Dân-chúng Trung-hoa ai cũng lấy việc ấy làm căm-tức, nên hôm sau ngày xe chạy là mồng 2, tại ga Trà-đình, trên xe bỗng có quả bom nổ, một người học-sinh Tàu chết, còn hành-khách bị thương nhiều. Người ta cho tiếng bom ấy là tỏ ý phản-đối việc thông-xa.

Về bên người Nhật thì nay lại làm trái hẳn hiệp-ước Đường-cô. Hiện nay ở trong Trường-thành tại nhiều nơi như Mã-lan-cốc hay Triệt-hà-kiều, quân Nhật và quân Mãn vẫn còn đóng chưa chịu rút đi, mà lại cấm người Tàu ăn mặc binh-phục không được vào trong Trường-thành 50 dặm.

Bộ Hải-quân Nhật vừa rồi lại triệu-tập cuộc hội-nghị quyết-định chính-sách đối với Trung hoa, định đem hải-quân Nhật từ nay đối với miền Trường-giang và miền Hoa-nam quyết dùng thế làm oai, lục-quân trừ mười vạn người vẫn đóng ở miền Hoa-bắc, lại kén thêm hai sư-đoàn chia đóng thêm ở các nơi miền Hoa-bắc làm hậu-viện cho việc ngoại-giao.

Người Nhật lại lấy cớ là tiễu-trừ thổ-phỉ, tấp-nập cho quân kéo đến đóng ở Mãn-châu-lý, kỳ-thực họ muốn mở mang về lâm-sản và khoáng-sản, thứ nhất là chuẩn-bị để đánh nhau với Nga.

Gần đây Nhật ra lệnh cho bộ Quân-chính Mãn-châu thực-hành việc mộ lính rất gấp ở mặt Đông-bắc cốt là để phòng sẵn về việc đối phó với Nga sau này, nên cái tin Nhật-Nga chiến-tranh lại càng đồn lên sôi-nổi.

Các yếu-nhân Tây-nam thấy tình-thế trong nước ngày càng nguy-ngập, nên trong cuộc hội-nghị ở Quảng-châu nhân có Hà Kiên chủ-tịch Hồ-nam vâng mệnh Tưởng Giới-Thạch đến đó cùng yếu-nhân hai tỉnh Quảng bàn định về việc định hợp sức tiễu Cộng. Bạch Sùng-Hy tổng chỉ-huy quân Quảng-tây xướng-nghị năm tỉnh miền tây-nam là Quảng-đông, Quảng-tây, Hồ-nam, Vân-nam, Qui-châu nên thực-hành cuộc liên-phòng, lấy tỉnh Quảng-đông làm trung-tâm việc quốc-phòng ở miền Tây-nam, khi một tỉnh nào có việc biến-cố, thì bốn tỉnh kia phải lập tức giúp đỡ về quân-sự.

Hiện đã điện hỏi ý chủ-tịch Vân-nam là Long Vân, chủ-tịch Qui-châu là Vương Gia-Liệt và mời Long, Vương dự vào cuộc biên-phòng ấy.

Hiện-thế quân Nghĩa-dũng Đông-bắc

Quân Nghĩa-dũng Đông-bắc gần đây lại thấy đua nhau hoạt-động rất dữ. Bộ-hạ Trần Đông-Sơn có hơn vạn quân ngầm phục ở Bật-sơn và một dải đất Thiết-sài ở phía Hắc-long-giang; bộ-hạ Lưu Hóa-Nam cũng hơn vạn người, ngầm phục ở trong núi sau tỉnh Hưng-yên. Ngoài ra những toán hai ba trăm người thì chỗ nào cũng có, chuyên việc phá-hoại các đường giao-thông.

Toán quân Nghĩa-dũng ở Ninh-cổ-tháp bộ-hạ Phi Long-Vân thì đánh úp quân Nhật là bộ-hạ Hoành-Điền.

Quân Nghĩa-dũng ở phía đông Cát-lâm hiện lại ra sức phản-công hai quân Nhật Mãn, lại đánh đổ cả toa xe ở trên đường Trung-đông, khi gần đến Nhất-diện-pha. Mạnh nhất là toán quân của Lý Đỗ lại nổi lên ở Hồ-lâm và An-đông, do Tô-Nga huấn-luyện, cho về để phòng sau này Nga đánh nhau với Nhật thì lấy đoàn-quân đó làm một vây cánh.

Quân Nhật thấy quân Nghĩa-dũng càng ngày càng ra sức hoạt-động, nên đã mở cuộc Nhật-Mãn quân-sự trọng-yếu hội-nghị ở kinh-đô Trường-xuân, chia miền đông-bắc làm bảy khu cảnh-bị, để phòng quân Nghĩa-dũng một cách rất nghiêm.

VIỆC TRONG NƯỚC

Sửa lại lệ săn-bắn ở Đông-dương.— *Theo đạo Sắc-lệnh ngày 27 Juin 1934, thì từ nay nếu ai không có giấy phép mang súng đạn, giấy phép săn-bắn, môn-bài săn-bắn, và không phải mùa săn-bắn, thì không được săn-bắn ở trong cõi Đông-dương.*

Những chủ đồn-điền không có giấy phép, có thể được săn-bắn ở trong giới-hạn đồn-điền của mình.

Những người có giấy phép, không được quyền săn-bắn ở những đất tư, đất làng, đất của hội nào mà có cắm mốc rõ ràng.

Một du-học-sinh đỗ Văn-khoa Tiến-sĩ. — *Những du-học sinh ta ở Pháp, mới đây có ông Nguyễn Văn-Huyên (quán ở Hà-nội) đỗ được Văn-khoa Tiến-sĩ. Ông Huyên hiện còn ở lại làm giáo sư dạy tiếng Việt-Nam tại trường Viễn-đông ngôn-ngữ bên Pháp.*

Quan Thống-đốc thưởng cho một cậu học-sinh 300 đồng bạc. — *Cậu học-sinh Trần Hữu-Phương mới rồi đều đỗ đầu trong hai khoa thi Thành chung và Tiểu-học Tây ở Sài-gòn, nên quan Thống đốc thưởng cho 300 đồng bạc để đi du-lịch trong mấy tháng hè.*

Lập hội-đồng đề-phòng bệnh sưng màng-óc. — *Theo nghị-định quan quyền Toàn quyền ngày 11 Juillet 1934, quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã cử một hội-đồng tại Hà-nội để nghiên-cứu về bệnh sưng màng óc hay phát-sinh về đầu mùa hạ và để tìm cách đề-phòng bệnh ấy. Viên quan năm thầy thuốc* Marque *giám-đốc nhà thương* de Lanessan *làm hội-trưởng.*

Quan Toàn-quyền đã tới Sài-gòn. — *Ngày 23, quan Toàn-quyền* Robin *và quan phó Toàn-quyền* Châtel *đáp tầu* d'Arlagnan *từ Pháp đã sang tới bến Sài-gòn. Các quan-chức văn-võ ra bến đón trước Ngài về qui-phủ ở phố* Norodom *rồi làm lễ chúc mừng. Ngài đáp lại và có lược kể những chương-trình của Ngài sắp làm.*

Ngài còn ở lại Sài-gòn đến đầu tháng Août *này mới ra Hà-nội.*

Quan phó Toàn-quyền Châtel *thì đáp sang tầu* Claude chappe *ra Hà-nội trước để sắp đặt việc nghênh-tiếp quan Toàn-quyền hồi đầu tháng* Août *này.*

Quan Toàn-quyền Robin được lưu-chức.— *Quan Toàn-quyền* Robin *trước khi nhiệm chức thực-thụ Toàn-quyền cõi Đông-dương thì Ngài đã đến hạn về hưu-trí, nên đức Giám-quốc* Lebrun *mới hạ Sắc-lệnh lưu-chức quan Toàn-quyền một năm kể từ ngày 6* Août *1934 này.*

Ân-điển của quan Toàn-quyền. — *Nhân dịp quan Toàn-quyền* Robin *nhiệm chức Thủ-hiến xứ Đông-dương này, Ngài có ban ân cho tội-nhân ở*

Photo Gouvernement Général

M. Robin, Gouverneur Général
de l'Indochine

khắp xứ Đông-dương hoặc được ân-xá hoặc ân-giảm, cả thảy 1.389 người. Trong số đó có 617 người thuộc chính-trị-phạm, còn là thường phạm cả.

Một vụ làm giấy bạc giả có dính-líu mấy vị quan hưu. — *Mới rồi sở Liêm-phóng có xét một đám bị vu-cáo là làm giấy bạc giả ở Gia-lâm mà khám-phá được một bọn vẫn làm giấy bạc giả ở Hòa-bình là Vũ Xuân-Nùng, tên Trương, tên Phương, tên Cai-Đà và có liên-can đến quan Tuần-phủ hưu-trí Phạm Bá-Rong, quan Án-sát bị bãi Đinh Công-Huy, em ông Huy là Đinh Công Niết. Việc này còn đương đòi hỏi tra xét ở Hòa-bình.*

Sắp có hai thứ tem Bảo-đại và Monivong. — *Chính-phủ Đông-dương đã đặt cho nhà in bên Pháp in hai thứ tem cho dân ta dùng : Một thứ tem có hình đức Bảo-đại, và một thứ tem có hình vua* MONIVONG *nước Cao-miên.*

Chính-phủ Pháp tặng cho vua Cao-miên chức Thiếu-tướng. — *Theo lời thỉnh-cầu của quan Toàn-quyền* ROBIN, *chính-phủ Pháp tặng cho vua* MONIVONG *nước Cao-miên chức Thiếu-tướng (Général de Brigade).*

Đức Bảo đại tặng quan Khâm-sứ Thibaudeau long-bội-tinh và quan Phó Toàn-quyền Châtel kim-bài. — *Ngày 24* Juillet, *đức Bảo-đại có đặc-mệnh quan Đại-nội nghi-lễ với một đội lính rước một đạo bằng phất-hạng Long-bội-tinh từ Đại-nội qua tòa Khâm để tặng cho quan Khâm-sứ* THIBAUDEAU *về dịp Ngài về Pháp nghỉ. Buổi tối đức Bảo-đại làm lễ gắn nhất-hạng Long-bội-tinh cho quan Khâm-sứ* THIBAUDEAU *tại điện Cần chánh.*

Ngày 25, đức Bảo-đại đặc-mệnh quan Thượng-thư bộ Công Tôn-thất Quảng đem tấm kim-bài vào Tourane để tặng mừng quan CHÂTEL *về dịp Ngài phó-nhiệm chức phó Toàn quyền Đông-dương này.*

Quan quyền Toàn-quyền Graffeuil đã nhiệm chức Khâm-sứ Trung-kỳ. — *Ngày 28* Juillet, *quan quyền Toàn-quyền* GRAFFEUIL *đã tới Huế nhiệm chức Khâm-sứ Trung-kỳ.*

Giới-thiệu sách và báo

Cô-lâu-mộng — *Là một cuốn tiểu-thuyết của ông Ngạc-am Võ Liêm Sơn biên-tập, hai quyển thượng và hạ, quyển thượng 132 trang quyển hạ 126 trang, in tại nhà in Tân-Dân Hà-nội, giá 1 $ 00.*

Bảo-an y-báo. — *Bảo-an y-báo là một cơ-quan truyền bá y học Thái-tây, mỗi tháng ra một số 32 trang giá 15 xu. Bác-sĩ Luyện làm chủ-nhiệm, Bác-sĩ Chương làm chủ-bút, báo-quán ở số 167* Boulevard Henri d'Orléans *Hà-nội.*

NAM-PHONG TỦNG-THƯ

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài)

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước:

1.— Văn-minh-luận 4 hào.
2.— Ba tháng ở Paris 4 hào.
3.— Văn-học nước Pháp 4 hào.
4.— L'idéal du Sage 4 hào.
5.— Chính-trị nước Pháp :
Quyển thứ I 4 hào.
Quyển thứ II 5 hào.
6.— Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7.— Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8.— Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9.— Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10.— Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai) 6 hào.
11.— La Poésie annamite. 4 hào.
12.— Tục-ngữ ca-dao. 4 hào.